

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18/TCT-P.TC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: **TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP (“CC1”)**
 - Mã chứng khoán: CC1
 - Địa chỉ trụ sở chính: 111A Pasteur, phường Sài Gòn, TP.HCM, Việt Nam.
 - Điện thoại: 028.38.222.059 Fax: 028.38.290.500
 - Email: info@cc1.vn
2. Nội dung thông tin công bố: Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường.
3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 09/01/2026 tại đường dẫn: <https://www.cc1.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: P.HC, P.TC.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Lê Hào

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 10 /BB-ĐHĐCĐ.BT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP
(Bằng hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử)

**A. TÊN DOANH NGHIỆP, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Tên doanh nghiệp: TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP (CC1)

Mã số doanh nghiệp: 0301429113 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/07/2010, Sở Tài chính đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 17/07/2025.

Địa chỉ trụ sở chính: 111A Pasteur, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Thời gian: Đại hội đồng cổ đông bất thường (Đại hội hoặc ĐHĐCĐ.BT) khai mạc vào lúc 09 giờ 00 ngày 09/01/2026 (thứ Sáu) bằng hình thức trực tuyến.

3. Địa điểm nơi Chủ tọa tham dự: Tổng Công ty Xây dựng Số 1-CTCP, số 111A Pasteur, phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Thành phần tham dự và tính hợp lệ của Đại hội:

a. Thành phần tham dự Đại hội trực tuyến gồm: Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (TGD) và các cổ đông CC1, ứng cử viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026.

b. Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội:

Ông Trần Mạnh Tú thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội như sau:

- Tổng số cổ đông của CC1 là 894 cổ đông, tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu là 397.906.100 cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tính đến 09 giờ 00 ngày 09 tháng 01 năm 2026:
 - + Số lượng Đại biểu tham gia: 33 người
 - + Số lượng Đại biểu ủy quyền: 0 người.



Đại diện cho 396.098.682 phiếu biểu quyết, chiếm 99,5458% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các điều khoản quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của CC1, ĐHĐCĐ bất thường của CC1 đủ điều kiện tiến hành.

B. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CỦA ĐẠI HỘI

I. Đại hội thông qua danh sách Đoàn Chủ tọa, danh sách Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu; Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc của Đại hội; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu bổ sung thành viên HĐQT.

1. Đoàn Chủ tọa:

- Ông Phan Hữu Duy Quốc, Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội
- Ông Lê Bảo Anh, Phó Chủ tịch HĐQT, TGD - Thành viên
- Ông Nguyễn Văn Ngọc, Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán - Thành viên

2. Ban Thư ký:

- Bà Mai Thái Thị Hà Thủy, Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký HĐQT - Trưởng ban
- Bà Trương Thị Thùy, Quyền Trưởng phòng Hành chính - Thành viên

3. Ban kiểm phiếu:

- Ông Giang Quốc Hiệp, Trưởng ban KTNB - Trưởng ban
- Ông Nguyễn Hồng Nam, Trưởng phòng Công nghệ thông tin - Thành viên
- Ông Trần Mạnh Tú, Quản lý Pháp chế - Thành viên

4. Chương trình Đại hội;

5. Tờ trình Quy chế làm việc ĐHĐCĐ BT của CC1 và Quy chế đính kèm;

6. Tờ trình Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của CC1 nhiệm kỳ 2021-2026 và Quy chế đính kèm.

Tại thời điểm tiến hành biểu quyết để thông qua các nội dung nêu trên, lúc 09 giờ 13 phút ngày 09/01/2026, tổng số cổ đông tham dự họp là 33 cổ đông (tham gia trực tuyến), đại diện cho 396.098.682 phiếu biểu quyết, chiếm 99,5458% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu phát ra: 33 đại diện cho 396.098.682 phiếu biểu quyết, chiếm 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu thu về: 32 đại diện cho 396.098.680 phiếu biểu quyết, chiếm 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Tổng số tờ phiếu không thu về: 01 đại diện cho 02 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết quả biểu quyết chi tiết các nội dung:

Stt	Nội dung biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết từng nội dung của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội	Tổng số phiếu biểu quyết và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội					Kết quả
			Hợp lệ	Không hợp lệ	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
1	Danh sách Đoàn Chủ tọa	396.098.680	396.098.680	0	396.098.680	0	0	Đã thông qua với tỷ lệ 100,0000%
			100,0000%	0%	100,0000%	0%	0%	
2	Danh sách Ban Thư ký	396.098.680	396.098.680	0	396.098.680	0	0	Đã thông qua với tỷ lệ 100,0000%
			100,0000%	0%	100,0000%	0%	0%	
3	Danh sách Ban Kiểm phiếu	396.098.680	396.098.680	0	396.098.680	0	0	Đã thông qua với tỷ lệ 100,0000%
			100,0000%	0%	100,0000%	0%	0%	
4	Chương trình Đại hội	396.098.680	396.098.680	0	396.098.680	0	0	Đã thông qua với tỷ lệ 100,0000%
			100,0000%	0%	100,0000%	0%	0%	
5	Quy chế làm việc ĐHCĐ bất thường	396.098.680	396.098.680	0	396.098.680	0	0	Đã thông qua với tỷ lệ 100,0000%
			100,0000%	0%	100,0000%	0%	0%	
6	Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của CC1 nhiệm kỳ 2021-2026	396.098.680	396.098.680	0	396.098.680	0	0	Đã thông qua với tỷ lệ 100,0000%
			100,0000%	0%	100,0000%	0%	0%	

II. Thông qua nội dung các Tờ trình

Đại hội đã nghe trình bày về 07 Tờ trình sau:

1. Tờ trình về Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư;
2. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng số 1-CTCP;

3. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP;
4. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP;
5. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP;
6. Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT;
7. Tờ trình về danh sách đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026.

III. PHẦN THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

Vào lúc 9 giờ 45 phút, Đại hội đã tiến hành thảo luận về nội dung các Tờ trình ĐHĐCĐ.BT. Các cổ đông đã đặt câu hỏi, Đoàn Chủ tọa điều hành trả lời các câu hỏi của cổ đông. Phần thảo luận Hỏi – Đáp giữa cổ đông và Đoàn Chủ tọa được ghi nhận và công bố tại Phụ lục đính kèm Biên bản Đại hội này.

Do thời gian có hạn, các câu hỏi của cổ đông gửi đến sau (nếu có) sẽ được CC1 trả lời bằng văn bản đến quý cổ đông.

IV. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG TỜ TRÌNH

Tại thời điểm tiến hành biểu quyết để thông qua các Tờ trình, lúc 9 giờ 52 phút ngày 09/01/2026, tổng số cổ đông tham dự họp là 34 cổ đông (tham gia trực tuyến), đại diện cho 396.115.082 phiếu biểu quyết, chiếm 99,5499% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ CC1. Đại hội đã tiến hành biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu phát ra: 34 đại diện cho 396.115.082 phiếu biểu quyết, chiếm 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu thu về: 33 đại diện cho 396.115.080 phiếu biểu quyết, chiếm 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không thu về: 01 đại diện cho 02 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Công bố kết quả biểu quyết:

Ông Trần Mạnh Tú – thay mặt Ban Kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua 07 nội dung Tờ trình như sau:

Stt	Nội dung biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết từng nội dung của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội	Tổng số phiếu biểu quyết và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội					Kết quả
			Hợp lệ	Không hợp lệ	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
1	Tờ trình về Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư	396.115.080	396.115.080	0	396.115.075	0	5	Đã thông qua với tỷ lệ 100%
			100,0000%	0%	100,0000%	0,0000%	0,0000%	
2	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng số 1-CTCP	396.115.080	396.115.080	0	396.115.080	0	0	Đã thông qua với tỷ lệ 100%
			100,0000%	0%	100,0000%	0,0000%	0,0000%	
3	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP	396.115.080	396.115.080	0	396.115.080	0	0	Đã thông qua với tỷ lệ 100%
			100,0000%	0%	100,0000%	0,0000%	0,0000%	
4	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP	396.115.080	396.115.080	0	396.115.080	0	0	Đã thông qua với tỷ lệ 100%
			100,0000%	0%	100,0000%	0,0000%	0,0000%	
5	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP	396.115.080	396.115.080	0	396.115.080	0	0	Đã thông qua với tỷ lệ 100%
			100,0000%	0%	100,0000%	0,0000%	0,0000%	
6	Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT	396.115.080	396.115.080	0	396.115.075	05	0	Đã thông qua với tỷ lệ 100%
			100,0000%	0%	100,0000%	0,0000%	0,0000%	
7	Tờ trình về danh sách đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026	396.115.080	396.115.080	0	396.115.080	0	0	Đã thông qua với tỷ lệ 100%
			100,0000%	0%	100,0000%	0,0000%	0,0000%	

V. BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021-2026

- Hướng dẫn bầu cử và tiến hành bầu cử: Ông Trần Mạnh Tú thay mặt Ban kiểm phiếu hướng dẫn tóm tắt thực hiện phương thức bầu cử trực tuyến cho Đại hội.
- Tại thời điểm tiến hành bầu cử, lúc 10 giờ 05 phút ngày 09/01/2026, tổng số cổ đông tham dự họp là 34 cổ đông (tham gia trực tuyến), đại diện cho 396.115.082 phiếu biểu quyết, chiếm 99,5499% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

3. Đại hội tiến hành bầu cử với kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026:

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, Quy chế làm việc Đại hội, quy chế đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT và Điều lệ CC1:

Ông **Trần Hữu Phong** đã trúng cử là Thành viên HĐQT của CC1, với số phiếu bầu là 396.112.661 phiếu bầu chiếm tỷ lệ đạt 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT trúng cử là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026.

Thành viên HĐQT CC1 gồm có 05 thành viên:

- | | |
|--------------------------|--|
| 1. Ông Phan Hữu Duy Quốc | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Lê Bảo Anh | - Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Nguyễn Văn Ngọc | - Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên Ủy ban Kiểm toán |
| 4. Ông Nguyễn Thành Vinh | - Thành viên độc lập HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán |
| 5. Ông Trần Hữu Phong | - Thành viên HĐQT |

VI. THÔNG QUA DỰ THẢO BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG CỦA CC1

1. Bà Mai Thái Thị Hà Thủy thay mặt Ban Thư ký trình bày trước Đại hội nội dung dự thảo Biên bản Đại hội và dự thảo Nghị quyết Đại hội.
2. Đại hội đã tiến hành biểu quyết và thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội với kết quả như sau:

Tại thời điểm tiến hành biểu quyết, lúc 10 giờ 41 phút ngày 09/01/2026, tổng số cổ đông tham dự họp là 34 cổ đông (tham gia trực tuyến), đại diện cho 396.115.082 phiếu biểu quyết, chiếm 99,5499% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội vẫn đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ CC1. Đại hội đã tiến hành biểu quyết.

- Tổng số tờ phiếu phát ra: 34 đại diện cho 396.115.082 phiếu biểu quyết, chiếm 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu thu về: 33 đại diện cho 396.115.080 phiếu biểu quyết, chiếm 100,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Tổng số tờ phiếu không thu về: 01 đại diện cho 02 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0000% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Kết quả biểu quyết:

Stt	Nội dung biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết từng nội dung của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội	Tổng số phiếu biểu quyết và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội					Kết quả
			Hợp lệ	Không hợp lệ	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	
1	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	396.115.080	396.115.080	0%	396.115.080	0	0	Đã thông qua với tỷ lệ 100,0000%
			100,0000%	0%	100,0000%	0%	0,0000%	
2	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường	396.115.080	396.115.080	0%	396.115.080	0	0	Đã thông qua với tỷ lệ 100,0000%
			100,0000%	0%	100,0000%	0%	0,0000%	

Ông Phan Hữu Duy Quốc – Chủ tịch HĐQT, thay mặt Đoàn Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông bất thường của Tổng Công ty Xây dựng số 1-CTCP kết thúc lúc 10 giờ 45 phút ngày 09 tháng 01 năm 2026.

CHỦ TỌA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Hữu Duy Quốc

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

THÀNH VIÊN

TRƯỞNG BAN



Trương Thị Thùy



Mai Thái Thị Hà Thủy

Tài liệu đính kèm:

- Các Tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông
- Phụ lục Hỏi – Đáp tại Đại hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

PHỤ LỤC HỎI – ĐÁP
(PHẦN THẢO LUẬN)

**(Đính kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường của Tổng công ty Xây dựng số 1 – CTCP
số 10/BB-ĐHĐCĐ.BT ngày 09/01/2026)**

Mã cổ đông	Câu hỏi	Trả lời
CC1.000689	1. Xin quý công ty hãy giải thích về lý do định hướng tăng vốn của CC1 cho tham gia các dự án đầu tư	Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh đầu tư công và phát triển hạ tầng quốc gia, Chính phủ và Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết quan trọng nhằm khẳng định vai trò của kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 và Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị đã xác định rõ định hướng phát triển khu vực kinh tế tư nhân, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư vào các lĩnh vực hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ và công nghệ cao.

Mã cổ đông	Câu hỏi	Trả lời
	theo phương thức PPP?	Trên cơ sở đó, Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (CC1) định hướng tham gia các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) với vai trò vừa là nhà thầu xây lắp, vừa là nhà đầu tư. Việc tham gia các dự án PPP mang lại cho CC1 những hiệu quả thiết thực: - Tài chính: Tăng trưởng doanh thu, đa dạng hóa nguồn thu, giảm phụ thuộc vào vốn vay ngân hàng, tạo sản lượng Backlog cao, tạo dòng tiền hoạt động kinh doanh ổn định và phát triển - Chiến lược: Mở rộng thị phần xây lắp, khẳng định vị thế doanh nghiệp xây dựng hạ tầng hàng đầu Việt Nam, đồng thời tạo nền tảng vươn ra thị trường quốc tế. - Xã hội: Góp phần giảm gánh nặng ngân sách nhà nước, thúc đẩy phát triển hạ tầng giao thông, đô thị, năng lượng, qua đó nâng cao chất lượng sống và tạo việc làm cho người lao động. Việc huy động vốn thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ lần này là bước đi quan trọng để CC1 chủ động nguồn lực tài chính, tận dụng các điều kiện thuận lợi từ chính sách của Đảng và Nhà nước, đồng thời đảm bảo khả năng tham gia và thực hiện thành công các dự án PPP trọng điểm quốc gia trong giai đoạn tới
CC1.000282	2. Xin cho biết tình hình triển khai các dự án đầu tư và xây dựng lớn mà CC1 đang triển khai thực hiện?	Tính đến thời điểm hiện tại, CC1 đang triển khai gần 70 gói thầu xây dựng và dự án đầu tư trên phạm vi cả nước, trong đó có nhiều công trình hạ tầng quốc gia và khu vực. Trong năm 2025, riêng tháng 12, CC1 đã hoàn thành và bàn giao 15 gói thầu thuộc các tuyến cao tốc Bắc – Nam, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành mục tiêu giải ngân đầu tư công của Chính phủ. - Các dự án tiêu biểu đang triển khai thi công gồm: + Dự án Đường Vành đai 4 – Vùng Thủ đô Hà Nội (quy mô khoảng 17.000 tỷ đồng); + Các gói thầu trọng điểm tại Sân bay Long Thành, Sân bay Đồng Hới;

Mã cổ đông	Câu hỏi	Trả lời
		+ Các dự án năng lượng lớn như Nhiệt điện Quảng Trạch, Nhiệt điện Na Dương. - Về lĩnh vực đầu tư – PPP: CC1 đang cùng các thành viên liên danh khác, cũng đồng thời là các đơn vị thành viên, trong Liên danh NĐT đang hoàn tất các thủ tục để triển khai: + Dự án Cầu Cát Lái (tổng mức đầu tư khoảng 18.000 tỷ đồng); + Dự án Cầu Long Hưng (Đồng Nai 2) (khoảng 11.000 tỷ đồng). Dự kiến tổ chức Lễ Động thổ vào ngày 15/01/2026, góp phần tăng cường kết nối giữa TP.HCM và Đồng Nai – hai cực tăng trưởng lớn của khu vực phía Nam. Song song đó, CC1 tiếp tục nghiên cứu và theo đuổi các dự án đường sắt đô thị tại Hà Nội, TP.HCM và Phú Quốc – lĩnh vực hạ tầng chiến lược trong trung và dài hạn.
CC1.000862	3. Xin cho biết Nguồn lực triển khai các dự án lớn, trọng điểm?	Nguồn lực triển khai các dự án lớn của CC1 được chuẩn bị toàn diện và đồng bộ theo ba trụ cột: Vốn – Nhân lực – Công nghệ, gắn với hệ thống quản trị rủi ro, dòng tiền và tiến độ. + Về Vốn, CC1 tăng vốn chủ sở hữu, đa dạng hóa nguồn vốn và mở rộng hạn mức tín dụng ngân hàng để đáp ứng quy mô tăng trưởng doanh thu vượt trội, đồng thời kiểm soát chặt dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua đẩy nhanh nghiệm thu – thu hồi công nợ – tối ưu vốn lưu động, hạn chế phụ thuộc vay nợ. + Về nguồn nhân lực: CC1 tăng cường đào tạo chuyên sâu, hợp tác với các tổ chức đào tạo uy tín trong và ngoài nước; đồng thời tuyển dụng nhân sự chất lượng cao và liên danh với đối tác quốc tế cho các gói thầu có yêu cầu kỹ thuật phức tạp.

Mã cổ đông	Câu hỏi	Trả lời
		+ Về công nghệ và quản trị: CC1 đẩy mạnh ứng dụng công nghệ xây dựng tiên tiến, tiên chế – lắp ghép, tự động hóa nhằm giảm phụ thuộc lao động thủ công, nâng cao chất lượng, an toàn và bảo vệ môi trường. Đồng thời, Công ty đang quyết liệt triển khai chuyển đổi số và hệ thống ERP, nâng cao hiệu quả và minh bạch trong quản trị dự án. Như vậy, CC1 không chỉ có nguồn lực đủ mạnh, mà quan trọng hơn là khả năng kiểm soát và sử dụng hiệu quả nguồn lực, đảm bảo an toàn tài chính và lợi ích lâu dài cho cổ đông.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 11/NQ-ĐHĐCĐ.BT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“CC1”);
- Các Biên bản Kiểm phiếu ngày 09/01/2026;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ bất thường của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP số 10/BB-ĐHĐCĐ BT ngày 09/01/2026.

Đại hội đồng cổ đông bất thường (“Đại hội” hoặc “ĐHĐCĐ BT”) của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP đã thảo luận, biểu quyết và đi đến quyết nghị như sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Tờ trình về việc Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư với các nội dung như sau:

1. Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Tổng Công ty Xây dựng 1 – CTCP
2. Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
3. Mã chứng khoán	:	CC1
4. Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng/cổ phiếu
5. Vốn điều lệ hiện nay	:	3.979.061.000.000 đồng
6. Số lượng cổ phiếu đã phát hành	:	397.906.100 cổ phiếu
Trong đó:	:	397.906.100 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu

7. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 100.000.000 cổ phiếu

8. Giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán tính theo mệnh giá: 1.000.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn tỷ đồng*)

9. Mục đích chào bán: Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến dùng để đầu tư vào các dự án hạ tầng theo phương thức đầu tư đối tác công tư (PPP - Public Private Partnership), trong đó CC1 là thành viên của liên danh thực hiện dự án.

10. Nguyên tắc và căn cứ xác định giá chào bán:

Giá chào bán được xác định trên cơ sở so sánh với giá trị sổ sách của Công ty.

- Căn cứ theo Báo cáo tài chính Trục sở chính quý 3 năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025, Giá trị sổ sách cổ phiếu được xác định như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} &= \frac{(\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát} - \text{Tài sản vô hình})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} \\ &= \frac{(4.405.154.151.551 - 0 - 0)}{397.568.300} \\ &= 11.080 \text{ đồng/ cổ phiếu} \end{aligned}$$

- Căn cứ theo Báo cáo tài chính Riêng quý 3 năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025, Giá trị sổ sách cổ phiếu được xác định như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} &= \frac{(\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát} - \text{Tài sản vô hình})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} \\ &= \frac{(4.394.691.339.211 - 0 - 0)}{397.568.300} \\ &= 11.054 \text{ đồng/ cổ phiếu} \end{aligned}$$

- Căn cứ theo Báo cáo tài chính Hợp nhất quý 3 năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025, Giá trị sổ sách cổ phiếu được xác định như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} &= \frac{(\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát} - \text{Tài sản vô hình})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} \end{aligned}$$

$$= \frac{(4.543.165.565.940 - 157.837.448.682 - 0)}{397.568.300}$$

$$= 11.030 \text{ đồng/ cổ phiếu}$$

Căn cứ vào giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty và đảm bảo sự thành công của đợt chào bán cổ phiếu CC1, ĐHĐCĐ phê duyệt mức giá chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư là 11.100 đồng/ cổ phiếu.

11. Giá chào bán: 11.100 đồng/cổ phiếu

12. Tổng số tiền huy động tính theo giá chào bán: 1.110.000.000.000 đồng
(Bằng chữ: Một nghìn một trăm mười tỷ đồng)

13. Đối tượng chào bán: Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

- + Tiêu chí: Là tổ chức, cá nhân đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định pháp luật.
- + Ủy quyền cho HĐQT xác định và lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

14. Tỷ lệ số lượng cổ phiếu chào bán (số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 25,13%.

15. Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết: Số lượng cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến sẽ được ĐHĐCĐ Công ty ủy quyền cho HĐQT ra quyết định chào bán cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp khác sao cho giá bán không thấp hơn 11.100 đồng/cổ phần theo các điều kiện chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định pháp luật. Trong trường hợp HĐQT vẫn không tìm được nhà đầu tư phù hợp, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phiếu chào bán theo đúng số lượng cổ phiếu thực tế đã phân phối.

16. Hạn chế chuyển nhượng:

Số cổ phiếu phát hành thêm này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

17. Thời gian dự kiến chào bán: Dự kiến thực hiện từ Quý I/2026, sau khi UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty.

18. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 1.110.000.000.000 đồng sẽ được phân bổ sử dụng cho mục đích theo tỷ lệ sau:

Khoản mục	Tỷ lệ phân bổ	Giá trị dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
Đầu tư vào các dự án hạ tầng theo phương thức đầu tư đối tác công tư (PPP - Public Private Partnership) do liên danh thực hiện, trong đó CC1 tham gia với tư cách thành viên liên danh, cụ thể như sau:	100% tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	1.110.000.000.000	
(1) Góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư cầu Cát Lái để thực hiện đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu Cát Lái	76,50% tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	849.150.000.000	Từ Quý I/2026, thời gian cụ thể ủy quyền HĐQT quyết định phù hợp với tiến độ thực hiện.
(2) Góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư cầu Long Hưng để thực hiện đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu Long Hưng (cầu Đồng Nai 2)	23,50% tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	260.850.000.000	
Tổng cộng (1) + (2)		1.110.000.000.000	

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lập kế hoạch sử dụng vốn chi tiết; quyết định và điều chỉnh việc giải ngân, phân bổ nguồn vốn tùy thuộc vào tình hình thực tế, và đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông, không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên của Công ty và báo cáo tại ĐHĐCĐ gần nhất.

Đối với nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi chưa giải ngân theo kế hoạch sử dụng vốn chi tiết, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT được quyền quyết định mở (các) hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để hưởng lãi nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với tiến độ giải ngân thực tế của phương án sử dụng vốn.

19. Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán:

Trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án chào bán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động tìm kiếm nguồn vốn tài trợ bổ sung khác như vốn vay ngân hàng, hoặc/và thu xếp từ nguồn tài chính khác phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty và quy định của pháp luật.

20. Cam kết việc đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức: Sau khi hoàn tất đợt chào bán, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đối với toàn bộ số cổ phần thực tế chào bán được.

21. Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ: Thông qua việc thay đổi Điều lệ công ty (mục vốn điều lệ) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế chào bán nêu trên sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả đợt chào bán của Công ty.

22. Ủy quyền Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc chào bán như sau:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép chào bán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh Phương án chào bán và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác;
- Xác định và lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- Chủ động xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quyết định phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo Phương án chào bán theo đúng quy định của Pháp luật;
- Quyết định phương án xử lý đối với cổ phiếu của đợt chào bán không phân phối hết (nếu có);
- Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất;

- Thực hiện các thủ tục, công việc để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đảm bảo thời hạn theo quy định đối với số lượng cổ phiếu chào bán theo thực tế chào bán được sau khi có công văn của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả đợt chào bán của Công ty;
- Hoàn chỉnh việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (do thay đổi vốn điều lệ) sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán của Công ty;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt chào bán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán của Công ty;
- Điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt chào bán nếu thấy cần thiết. Việc thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc vụ thể nêu trên;
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt 100% trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 2. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng số 1-CTCP.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt 100% trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 3. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt 100% trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

Điều 4. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt 100% trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Điều 5.** Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt 100% trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Điều 6.** Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT.

Theo đó, Đại hội thông qua việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 đối với Ông Nguyễn Văn Huân.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt 100% trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Điều 7.** Thông qua Tờ trình về danh sách đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026.

Nội dung này được thông qua với tỷ lệ tán thành đạt 100% trên tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết.

- Điều 8.** Thông qua kết quả trúng cử Thành viên HĐQT bầu bổ sung nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

Căn cứ kết quả kiểm phiếu; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu bổ sung thành viên HĐQT; Quy chế làm việc tại Đại hội đã được thông qua và Điều lệ của CC1:

Ông Trần Hữu Phong đã trúng cử Thành viên HĐQT CC1, với số phiếu bầu tán thành là 396.112.661 phiếu, tỷ lệ đạt 100%.

Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT trúng cử là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026.

Thành viên HĐQT CC1 gồm có 05 thành viên:

- | | |
|--------------------------|--|
| 1. Ông Phan Hữu Duy Quốc | – Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Lê Bảo Anh | – Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Nguyễn Văn Ngọc | – Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên Ủy ban Kiểm toán |
| 4. Ông Nguyễn Thành Vinh | – Thành viên độc lập HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán |
| 5. Ông Trần Hữu Phong | – Thành viên HĐQT |



Điều 9. Điều khoản thi hành:

- Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông bất thường nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Đại hội đồng cổ đông của CCI giao cho Hội đồng Quản trị tổ chức triển khai, giám sát Tổng Giám đốc thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết này trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất cho CCI, cho các cổ đông và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật, Điều lệ của CCI.

Nơi nhận:

- Cổ đông CCI (qua Website: cci.vn);
- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT, Ban TGD. CCI;
- Lưu TK HĐQT, P.HC-CCI.



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

- Thời gian: 8 giờ 30, thứ Sáu, ngày 09/01/2026.
- Địa điểm điều hành: Trụ sở Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP
Địa chỉ: Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.
- Hình thức: Hội nghị trực tuyến (online).
- Chương trình:

THỜI GIAN	STT	NỘI DUNG
08h30 – 09h00	1	Cổ đông đăng nhập đường link làm thủ tục đăng ký tham dự.
	2	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự.
	3	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.
	4	Giới thiệu thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu.
	5	Phát biểu khai mạc.
09h00 – 09h15		
09h15 – 09h30	6	Thông qua Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông bất thường; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026.
09h30 – 09h40	7	Thông qua các Tờ trình:
	7.1	Tờ trình về phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư
	7.2	Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng Số 1- CTCP.



THỜI GIAN	STT	NỘI DUNG
	7.3	Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.
	7.4	Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP.
	7.5	Tờ trình về sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP
	7.6	Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT.
	7.7	Tờ trình về danh sách đề cử, ứng cử để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026.
09h40 – 10h15	8	Thảo luận, giải đáp các ý kiến của cổ đông.
	9	Biểu quyết các nội dung tại mục 7.
	10	Bầu bổ sung thành viên HĐQT.
	11	Nghỉ giải lao.
10h15 – 10h45	12	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.
	13	Công bố kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT.
	14	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
10h45 – 11h00	15	Bế mạc Đại hội

TM. BAN TỔ CHỨC

CT HĐQT – TRƯỞNG BAN



Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01./TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09.. tháng 01... năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế làm việc tại cuộc họp
Đại hội đồng cổ đông bất thường của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“CC1”);
- Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của CC1.

Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) CC1 kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) xem xét thông qua **Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường** của CC1.

Đính kèm toàn văn dự thảo Quy chế.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09. tháng 01. năm 2026

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.

Điều 1. Mục đích

- 1.1. Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- 1.2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- 2.1. **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP và khách mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Tổng Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- 2.2. **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường vào ngày 09/01/2026 của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- 3.1. Tổng Công ty/CC1 : Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP

- 3.2. HĐQT : Hội đồng quản trị CC1
- 3.3. BTC : Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông CC1
- 3.4. ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông CC1
- 3.5. Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (*người được ủy quyền*)
- 3.6. Hệ thống livestream cuộc họp ĐHĐCĐ : Hệ thống phát sóng video cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp trên website <https://ezgsm.fpts.com.vn> và www.youtube.com

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- 4.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết¹.
- 4.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ Tổng Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- 4.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ Tổng Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Lưu ý: Tỷ lệ cổ đông dự họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến được xác định khi đại biểu đã thực hiện “**Xác nhận tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến**” tại hệ thống bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 5. Đại biểu tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- 5.1. Tất cả cổ đông của Tổng Công ty theo danh sách chốt ngày 15/12/2025 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.
- 5.2. Khi tham dự trực tuyến, đại biểu lưu ý:

¹ Khoản 1 Điều 26 Điều lệ Tổng Công ty

- 5.2.1. **Yêu cầu kỹ thuật:** Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet).
- 5.2.2. **Cách thức thực hiện:** Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử.
- 5.2.3. **Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:** Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp trong thông báo mời họp và đã thực hiện “Xác nhận tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến” tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội (nếu có)

- 6.1. Là các chức danh quản lý của Tổng Công ty, khách mời, thành viên trong BTC không phải là cổ đông của Tổng Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- 6.2. Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời hoặc có đăng ký trước với BTC và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

Điều 7. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- 7.1. Đoàn chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và các Thành viên. Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch Đoàn và là Chủ tọa ĐHĐCĐ hoặc chủ tịch HĐQT ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa Đại hội.
- 7.2. Chủ tịch Đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, BTC điều hành để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- 7.3. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ sẽ điều hành để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- 7.4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- 7.5. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
- 7.5.1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua.
- 7.5.2. Phân công nhân sự trình bày các báo cáo tại Đại hội.

- 7.5.3. Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết.
- 7.5.4. Giới thiệu thành phần Ban chủ tọa để Đại hội biểu quyết (nếu có).
- 7.5.5. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- 7.5.6. Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.
- 7.5.7. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- 7.5.8. Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.
- 7.5.9. Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu

- 8.1. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội bao gồm 01 Trưởng ban và các thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.
- 8.2. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Phân công
1	Ông Giang Quốc Hiệp	Trưởng Ban
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên
3	Ông Trần Mạnh Tú	Thành viên

- 8.3. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:
 - 8.3.1. Nhận giấy tờ của cổ đông (nếu phát sinh), đối chiếu kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông tham dự trực tuyến.
 - 8.3.2. Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành.
 - 8.3.3. Phối hợp với ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

Điều 9. Ban Thư ký Đại hội

- 9.1. Ban Thư ký của Đại hội do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.
- 9.2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký Đại hội:
 - 9.2.1. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định.

9.2.2. Ghi chép biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

9.2.3. Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

10.1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 Thành viên.

10.2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

10.2.1. Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

10.2.2. Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.

10.2.3. Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.

10.2.4. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

11.1. Nguyên tắc:

11.1.1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ.

11.1.2. Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận.

11.1.3. Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định như sau:

a. Đại biểu có thể đặt câu hỏi tại mục Thảo luận trong giao diện tham dự đại hội trực tuyến tại đường link <https://ezgsm.fpts.com.vn> hoặc gửi email về địa chỉ: thuy.tt@cc1.vn (trước giờ thảo luận). (Các câu hỏi được xem là hợp lệ khi được gửi từ email đã đăng ký trong danh sách cổ đông do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc email do Cổ đông đã đăng ký thông tin trong Giấy đăng ký dự họp hoặc ủy quyền đã được gửi bản cứng về Tổng Công ty).

b. Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.

11.2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

11.2.1. Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu;

11.2.2. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Tổng Công ty trả lời bằng các hình thức khác.

Điều 12. Biểu quyết tại Đại hội

12.1. Nguyên tắc:

Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết, bầu cử công khai. Đại biểu có thể lựa chọn bỏ phiếu bằng cách bỏ phiếu điện tử tại đường link: <https://ezgsm.fpts.com.vn>.

12.2. Bỏ phiếu điện tử:

12.2.1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- a. Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- b. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

12.2.2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử: quy định cụ thể tại Quy chế bầu cử.

12.2.3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- a. Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
- b. Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
- c. Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.

12.2.4. Thời gian bỏ phiếu điện tử

Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể như sau:

- a. Nội dung biểu quyết lần thứ 01 (gồm thông qua nhân sự Đoàn Chủ tọa, Ban Thư Ký, Ban kiểm phiếu; Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên

HDQT;) Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 17h00 ngày 07/01/2026 đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu các nội dung biểu quyết lần thứ 01.

- b. Nội dung biểu quyết lần thứ 02 (gồm báo cáo và các Tờ trình tại Đại hội) Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 17h00 ngày 07/01/2026 đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu các nội dung biểu quyết lần thứ 02.
- c. Nội dung Bầu cử: Đại biểu thực hiện bầu cử từ 17h00 ngày 07/01/2026 đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu các nội dung bầu cử.
- d. Nội dung biểu quyết lần thứ 03 (Thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 17h00 ngày 07/01/2026 đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu các nội dung biểu quyết lần thứ 03.
- e. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

12.3. Thẻ lệ biểu quyết:

12.3.1. Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.

12.3.2. Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 15/12/2025) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 397.906.100 cổ phần tương đương với 397.906.100 quyền biểu quyết.

12.3.3. Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Điều lệ Tổng Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% (Sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

Lưu ý: Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các (i) hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản Tổng Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và (ii) hợp đồng, giao dịch vay, cho vay (đối tượng cho vay phải tuân thủ quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán), bán tài sản có giá trị lớn hơn mười 10% (mười phần

trăm) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/đại diện ủy quyền chiếm từ 65% (Sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

12.4. Ghi nhận kết quả biểu quyết/bầu cử:

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp ĐHĐCĐ. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 14. Bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT phải được thực hiện theo Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT và được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Quy chế làm việc này được đọc công khai trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 09/01/2026 và có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm được ĐHĐCĐ của Tổng Công ty biểu quyết thông qua.

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Tổng Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu: P.PC, P.HC, Thư ký HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01../TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09.. tháng 01.. năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP nhiệm kỳ 2021-2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“CC1”);
- Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của CC1.

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) CC1 kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) xem xét thông qua **Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên HĐQT** của CC1 nhiệm kỳ 2021-2026.

Đính kèm toàn văn dự thảo Quy chế.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09.. tháng 01... năm 2026

QUY CHẾ
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU BỔ SUNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP NHIỆM KỲ 2021 – 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản được sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản được sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản được sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.

Điều 1. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Tổng Công ty/CC1 : Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP
- HĐQT : Hội đồng quản trị Tổng Công ty
- BTC : Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông CC1
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

Điều 2. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể như sau:

- 2.1. Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT;
- 2.2. Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- 2.3. Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

Điều 3. Quy chế đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

3.1. Thông tin chung:

- 3.1.1. Số lượng thành viên HĐQT bầu thay thế: 01 người
- 3.1.2. Nhiệm kỳ: 2021 – 2026
- 3.1.3. Số lượng ứng cử viên thành viên HĐQT tối đa: Không hạn chế, nhưng ứng cử viên phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của CC1.
- 3.2. **Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:** *(theo Điều 10 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Tổng Công ty)*
 - 3.2.1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
 - 3.2.2. Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 3.3 dưới đây.
 - 3.2.3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được Tổng Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- 3.3. **Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị:** *Ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/NĐ-CP)*
 - 3.3.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;
 - 3.3.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty;
 - 3.3.3. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT của tối đa 05 công ty khác.

Điều 4. Nguyên tắc bầu cử

- 4.1. Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
- 4.2. Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

- 4.3. Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- 4.4. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị.

Điều 5. Phương thức bầu cử

- 5.1. Thực hiện theo Phương thức bầu dồn phiếu (*Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020*).
 - 5.1.1. Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.
 - 5.1.2. Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- 5.2. Đại biểu tham dự trực tuyến truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và tiến hành việc bầu cử của mình (lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Đại hội).
- 5.3. Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn: Đại biểu tham dự truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện lại việc bầu cử của mình (lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Đại hội).

Điều 6. Phiếu bầu cử

- 6.1. Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là **Phiếu bầu cử trực tuyến**.
- 6.2. Trong trường hợp cổ đông thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng viên lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

Điều 7. Thực hiện bầu cử và xác định kết quả

7.1. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

7.1.1. Cách ghi Phiếu bầu cử:

- a. Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu.
- b. Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** của các ứng viên tương ứng.
- c. Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô **“Số phiếu bầu”** của các ứng viên tương ứng.

7.1.2. Lưu ý:

- a. Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể thay đổi kết quả bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả bầu cử); bao gồm cả kết quả bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Quy chế làm việc của Đại hội.
- b. Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, hệ thống sẽ tự ghi nhận kết thúc kiểm phiếu.
- c. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- d. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Tổng Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

7.2. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:

- 7.2.1. Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- 7.2.2. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- 7.2.3. Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 8. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT

- 8.1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT bao gồm:
 - 8.1.1. Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT (theo mẫu).
 - 8.1.2. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu).
 - 8.1.3. Bản sao các giấy tờ sau: CCCD/Hộ chiếu.
 - 8.1.4. Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).
 - 8.1.5. Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện đề cử như trong Điều lệ CC1.
- 8.2. Người đề cử vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.
- 8.3. Hồ sơ xin gửi về Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP trước 17h00 giờ ngày 27 tháng 12 năm 2025 theo địa chỉ sau:

Văn phòng Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP

Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.3822 2059

Fax: 028.3829 0500

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Quy chế này được đọc công khai trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày **09/01/2026** và có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu: P.PC, P.HC, Thư ký HĐQT.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03./TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.

Hội đồng Quản trị (“**HDQT**”) Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“**CCI**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCD**”) thông qua **Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư** như sau:

- | | |
|-----------------------------------|--|
| 1. Tên cổ phiếu | : Cổ phiếu Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP |
| 2. Loại cổ phiếu | : Cổ phiếu phổ thông |
| 3. Mã chứng khoán | : CC1 |
| 4. Mệnh giá cổ phiếu | : 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 5. Vốn điều lệ hiện nay | : 3.979.061.000.000 đồng |
| 6. Số lượng cổ phiếu đã phát hành | : 397.906.100 cổ phiếu |

Trong đó:

- | | |
|-----------------------------------|------------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | : 397.906.100 cổ phiếu |
| - Số lượng cổ phiếu quỹ | : 0 cổ phiếu |

7. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 100.000.000 cổ phiếu

8. **Giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán tính theo mệnh giá:** 1.000.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn tỷ đồng)

9. **Mục đích chào bán:** Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến dùng để đầu tư vào các dự án hạ tầng theo phương thức đầu tư đối tác công tư (PPP - Public Private Partnership), trong đó CC1 là thành viên của liên danh thực hiện dự án.

10. Nguyên tắc và căn cứ xác định giá chào bán:

Giá chào bán được xác định trên cơ sở so sánh với giá trị sổ sách của Công ty.

- Căn cứ theo Báo cáo tài chính Trục sở chính quý 3 năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025, Giá trị sổ sách cổ phiếu được xác định như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{(\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát} - \text{Tài sản vô hình})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

$$= \frac{(4.405.154.151.551 - 0 - 0)}{397.568.300}$$

$$= 11.080 \text{ đồng/ cổ phiếu}$$

- Căn cứ theo Báo cáo tài chính Riêng quý 3 năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025, Giá trị sổ sách cổ phiếu được xác định như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{(\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát} - \text{Tài sản vô hình})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

$$= \frac{(4.394.691.339.211 - 0 - 0)}{397.568.300}$$

$$= 11.054 \text{ đồng/ cổ phiếu}$$

- Căn cứ theo Báo cáo tài chính Hợp nhất quý 3 năm 2025 kết thúc ngày 30/09/2025, Giá trị sổ sách cổ phiếu được xác định như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{(\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát} - \text{Tài sản vô hình})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

$$= \frac{(4.543.165.565.940 - 157.837.448.682 - 0)}{397.568.300}$$

$$= 11.030 \text{ đồng/ cổ phiếu}$$

Căn cứ vào giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty và đảm bảo sự thành công của đợt chào bán cổ phiếu CC1, ĐHĐCĐ phê duyệt mức giá chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư là 11.100 đồng/ cổ phiếu.

11. Giá chào bán: 11.100 đồng/cổ phiếu

12. Tổng số tiền huy động tính theo giá chào bán: 1.110.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn một trăm mười tỷ đồng)

13. Đối tượng chào bán: Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

- + Tiêu chí: Là tổ chức, cá nhân đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định pháp luật.
- + Ủy quyền cho HĐQT xác định và lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

14. Tỷ lệ số lượng cổ phiếu chào bán (số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 25,13%.

15. Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết: Số lượng cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến sẽ được ĐHCĐ Công ty ủy quyền cho HĐQT ra quyết định chào bán cho các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp khác sao cho giá bán không thấp hơn 11.100 đồng/cổ phần theo các điều kiện chào bán đã được ĐHCĐ thông qua và phù hợp với các quy định pháp luật. Trong trường hợp HĐQT vẫn không tìm được nhà đầu tư phù hợp, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phiếu chào bán theo đúng số lượng cổ phiếu thực tế đã phân phối.

16. Hạn chế chuyển nhượng:

Số cổ phiếu phát hành thêm này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

17. Thời gian dự kiến chào bán: Dự kiến thực hiện từ Quý I/2026, sau khi UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty.

18. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 1.110.000.000.000 đồng sẽ được phân bổ sử dụng cho mục đích theo tỷ lệ sau:

Khoản mục	Tỷ lệ phân bổ	Giá trị dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
Đầu tư vào các dự án hạ tầng theo phương thức đầu tư đối tác công tư (PPP - Public Private Partnership) do liên danh thực hiện, trong đó CC1 tham gia với tư cách thành viên liên danh, cụ thể như sau:	100% tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	1.110.000.000.000	
(1) Góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư cầu Cát Lái để thực hiện đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu Cát Lái	76,50% tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	849.150.000.000	Từ Quý I/2026, thời gian cụ thể do HĐQT quyết định phù hợp với tiến độ thực hiện.
(2) Góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư cầu Long Hưng để thực hiện đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu Long Hưng (cầu Đồng Nai 2)	23,50% tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	260.850.000.000	
Tổng cộng (1) + (2)		1.110.000.000.000	

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lập kế hoạch sử dụng vốn chi tiết; quyết định và điều chỉnh việc giải ngân, phân bổ nguồn vốn tùy thuộc vào tình hình thực tế, và đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông, không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên của Công ty và báo cáo tại ĐHĐCĐ gần nhất.

Đối với nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi chưa giải ngân theo kế hoạch sử dụng vốn chi tiết, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT được quyền quyết định mở (các) hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn để hưởng lãi nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với tiến độ giải ngân thực tế của phương án sử dụng vốn.

19. Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán:

Trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án chào bán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động tìm kiếm nguồn vốn tài trợ bổ sung khác như vốn vay ngân hàng, hoặc/và thu xếp từ nguồn tài chính khác phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty và quy định của pháp luật.

20. Cam kết việc đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức: Sau khi hoàn tất đợt chào bán, ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đối với toàn bộ số cổ phần thực tế chào bán được.

21. Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ: Thông qua việc thay đổi Điều lệ công ty (mục vốn điều lệ) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phần thực tế chào bán nêu trên sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả đợt chào bán của Công ty.

22. Ủy quyền Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc chào bán như sau:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép chào bán gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh Phương án chào bán và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác;
- Xác định và lựa chọn nhà đầu tư đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- Chủ động xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quyết định phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo Phương án chào bán theo đúng quy định của Pháp luật;
- Quyết định phương án xử lý đối với cổ phiếu của đợt chào bán không phân phối hết (nếu có);
- Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất;
- Thực hiện các thủ tục, công việc để đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đảm bảo thời hạn theo quy định đối với số lượng cổ phiếu chào

bán theo thực tế chào bán được sau khi có công văn của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả đợt chào bán của Công ty;

- Hoàn chỉnh việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (do thay đổi vốn điều lệ) sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán của Công ty;
- Thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty liên quan tới việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt chào bán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán của Công ty;
- Điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt chào bán nếu thấy cần thiết. Việc thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc vụ thể nêu trên;
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.



Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng Số 1- CTCP

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ vào thực tế hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“CC1”).

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) CC1 kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) xem xét thông qua việc **sửa đổi, bổ sung Điều lệ của CC1** dựa trên quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản được sửa đổi bổ sung Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết các điều khoản của Điều lệ được trình bày tại (i) **Phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP** và (ii) **Dự thảo toàn văn Điều lệ** đã được sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này.

Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung về ngành, nghề kinh doanh của Công ty, trong trường hợp khi Công ty thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp được Cơ quan đăng ký kinh doanh hướng dẫn điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh đăng ký dựa trên hồ sơ đăng ký đã nộp, thì Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc được chủ động sửa đổi ngành, nghề tại Điều lệ theo hướng dẫn đó, bảo đảm phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh mà không phải xin lại ý kiến của ĐHĐCĐ.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Hữu Duy Quốc



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

[Giấy CNĐKDN số: 0301429113]

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 04/TTr-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2016 của Hội đồng quản trị CC1)

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
Sửa đổi thông tin trụ sở đăng ký tại Khoản 3, Điều 2			
1.	[Khoản 3, Điều 2] Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. - Điện thoại: (84.28) 38.222.059 - Fax: (84.28) 38.290.500 - E-mail: info@cc1.vn - Website: www.cc1.vn Thông tin liên hệ của Công ty như: số điện thoại, số fax, email, website như thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất của Công ty và những	[Khoản 3, Điều 2] Trụ sở đăng ký của Công ty là: - <u>Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.</u> - Điện thoại: (84.28) 38.222.059 - Fax: (84.28) 38.290.500 - E-mail: info@cc1.vn - Website: www.cc1.vn Thông tin liên hệ của Công ty như: số điện thoại, số fax, email, website như thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất của Công ty	Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với địa giới hành chính hiện hành.

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	thông tin này có thể được thay đổi theo quyết định của Hội đồng quản trị.	và những thông tin này có thể được thay đổi theo quyết định của Hội đồng quản trị.	
Sửa đổi, bổ sung về ngành, nghề kinh doanh tại Điều 4			
2.	Theo nội dung Tờ trình số: ..07../TTr-HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP		
Sửa đổi, bổ sung nội dung về Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông tại Điều 22			
3.	[Điểm b, Khoản 1, Điều 22]. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; quyết định chào bán các loại trái phiếu theo quy định của Luật Chứng Khoán	[Điểm b, Khoản 1, Điều 22]. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, <u>phương án chào bán, phát hành</u> ; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần <u>và hình thức chi trả cổ tức</u> .	Sửa đổi để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến chào bán, phát hành cổ phần và hình thức chi trả cổ tức.
		[Điểm s, Khoản 1, Điều 22]. Quyết định chào bán các loại trái phiếu <u>bao gồm trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền</u> theo quy định của <u>pháp luật hiện hành có liên quan</u> .	Sửa đổi để ghi nhận rõ các loại trái phiếu được chào bán thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
4.	0	[Điểm m, Khoản 1, Điều 22] Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán.	Bổ sung để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
5.	0	[Điểm t, Khoản 1, Điều 22] Tăng hoặc giảm vốn điều lệ Công ty.	Bổ sung để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ Công ty.
6.	0	[Điểm u, Khoản 1, Điều 22] Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành khi giá trị thay đổi từ 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trở lên. Đối với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi giá trị thay đổi từ 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trở lên; đồng thời ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị quyết định việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành nếu giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
7.	0	[Điểm v, Khoản 1, Điều 22] Quyết định số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể trong trường hợp cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.	Bổ sung để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến chiết khấu trong trường hợp cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.
8.	0	[Điểm w, Khoản 1, Điều 22] Chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông	Bổ sung để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông.
9.	0	[Điểm x, Khoản 1, Điều 22] Thông qua phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo; phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích.	Bổ sung để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc phân phối lợi nhuận, trích lập, sử dụng các loại quỹ.
10.	0	[Điểm y, Khoản 1, Điều 22] Thay đổi tên, trụ sở chính của Công ty.	Bổ sung để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc thay đổi tên hoặc trụ sở chính của Công ty.

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
11.	0	[Điểm z, Khoản 1, Điều 22] Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty.	Bổ sung để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty.
12.	0	[Điểm aa, Khoản 1, Điều 22] Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình (i) có Ban kiểm soát hoặc (ii) có Ủy ban kiểm toán hoặc (iii) mô hình khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).	Bổ sung để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty.
13.	0	[Điểm bb, Khoản 1, Điều 22] Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi, bao gồm việc thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.	Bổ sung để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.
14.	0	[Điểm cc, Khoản 1, Điều 22] Lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.	Bổ sung để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược.

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
15.	[Điểm s, Khoản 1, Điều 22] Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này	[Điểm dd, Khoản 1, Điều 22] Các vấn đề khác theo quy định của <u>Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định</u> của pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ Công ty.	Điều chỉnh từ ngữ để ghi nhận rõ các quy định pháp luật liên quan điều chỉnh quyền hạn và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.
Sửa đổi, bổ sung nội dung về Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại Điều 28			
16.	[Điểm c, Khoản 1, Điều 28] Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty	[Điểm c, Khoản 1, Điều 28] Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình (i) có Ban kiểm soát hoặc (ii) có Ủy ban kiểm toán hoặc (iii) mô hình khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).	Quy định để làm rõ ra phần cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.
Sửa đổi, bổ sung nội dung về Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại Điều 29			
17.	[Điểm b, Khoản 1, Điều 29] Phê duyệt/sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.	[Điểm b, Khoản 1, Điều 29] Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.	Điều chỉnh để đảm bảo tính thống nhất đối với các vấn đề được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông giữa Điều 29 và Điều 22 của Điều lệ cũng như đảm bảo tính thống nhất với quy định của pháp luật về doanh nghiệp (Điều 138.2.1 Luật Doanh Nghiệp 2020)

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
18.	[Điểm f, Khoản 1, Điều 29] Thông qua báo cáo tài chính hàng năm	[Điểm f, Khoản 1, Điều 29] Thông qua báo cáo tài chính hàng năm <u>đã được kiểm toán</u>	Điều chỉnh để đảm bảo tính thống nhất đối với các vấn đề được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông giữa Điều 29 và Điều 22 của Điều lệ cũng như đảm bảo phản ánh đúng thực tế của công ty đại chúng.
19.	[Điểm h, Khoản 1, Điều 29] Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công ty.	[Điểm h, Khoản 1, Điều 29] Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình (i) có Ban kiểm soát hoặc (ii) có Ủy ban kiểm toán hoặc (iii) mô hình khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).	Quy định để làm rõ ra phần cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.
20.	0	[Điểm i, Khoản 1, Điều 29] Tăng, giảm vốn Điều lệ của Công ty	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc thay đổi vốn Điều lệ của Công ty.
21.	0	[Điểm j, Khoản 1, Điều 29] Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, phương án chào bán, phát	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		hành; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và hình thức chi trả cổ tức.	đồng liên quan đến chào bán, phát hành cổ phần và hình thức chi trả cổ tức
22.	0	[Điểm k, Khoản 1, Điều 29] Quyết định chào bán các loại trái phiếu bao gồm trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các loại trái phiếu được chào bán thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
23.	0	[Điểm l, Khoản 1, Điều 29] Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc mua lại số cổ phần đã bán.
24.	0	[Điểm m, Khoản 1, Điều 29] Xem xét, xử lý vi phạm của Thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc xử lý vi

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
			phạm của Thành viên Hội đồng Quản trị.
25.	0	[Điểm n, Khoản 1, Điều 29] Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến tổ chức lại, giải thể Công ty.
26.	0	[Điểm o, Khoản 1, Điều 29] Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị.	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị
27.	0	[Điểm p, Khoản 1, Điều 29] Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến phê duyệt/quyết

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.	định Công ty kiểm toán cũng như bãi nhiệm kiểm toán viên.
28.	0	[Điểm q, Khoản 1, Điều 29] Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
29.	0	[Điểm r, Khoản 1, Điều 29] Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị.	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến báo cáo của Hội đồng Quản trị.
30.	0	[Điểm s, Khoản 1, Điều 29] Quyết định số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị.	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị.

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
31.	0	[Điểm t, Khoản 1, Điều 29] Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
32.	0	[Điểm u, Khoản 1, Điều 29] Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
33.	0	[Điểm v, Khoản 1, Điều 29] Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán.	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến báo cáo hoạt

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
			động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
34.	0	[Điểm w, Khoản 1, Điều 29] Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành khi giá trị thay đổi từ 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trở lên. Đối với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi giá trị thay đổi từ 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trở lên; đồng thời ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị quyết định việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành nếu giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.
35.	0	[Điểm x, Khoản 1, Điều 29]	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		Quyết định số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể trong trường hợp cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.	đồng liên quan đến chiết khấu trong trường hợp cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.
36.	0	[Điểm y, Khoản 1, Điều 29] Chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông.
37.	0	[Điểm z, Khoản 1, Điều 29] Thông qua phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo; phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích.	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc phân phối lợi nhuận, trích lập, sử dụng các loại quỹ.
38.	0	[Điểm aa, Khoản 1, Điều 29] Thay đổi tên, trụ sở chính của Công ty.	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ



STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
			đồng liên quan đến việc thay đổi tên hoặc trụ sở chính của Công ty.
39.	0	[Điểm bb, Khoản 1, Điều 29] Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty.	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty.
40.	0	[Điểm cc, Khoản 1, Điều 29] Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi, bao gồm việc thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi.
41.	0	[Điểm dd, Khoản 1, Điều 29] Lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.	Bổ sung để ghi nhận thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược.

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
42.	[Điểm i, Khoản 1, Điều 29] Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 22 Điều lệ này và quy định của pháp luật khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty	[Điểm ee, Khoản 1, Điều 29] Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	Sửa đổi để làm rõ ngoài các phạm vi được quy định tại Điều 22 thì HĐQT còn lấy ý kiến bằng văn bản về các vấn đề khác theo Điều lệ này và quy định của pháp luật khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
Sửa đổi, bổ sung nội dung về Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị tại Điều 34			
43.	[Điểm d, Khoản 2, Điều 34] Quyết định giá bán cổ phần; Quyết định chào bán các loại trái phiếu trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền theo quy định của Luật Chứng khoán.	[Điểm d, Khoản 2, Điều 34] Quyết định <u>thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán</u> ; Quyết định chào bán các loại trái phiếu trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền theo quy định của Luật Chứng khoán.	Sửa đổi để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị liên quan đến việc chào bán cổ phần.
44.	[Điểm p, Khoản 2, Điều 34] Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh	[Điểm p, Khoản 2, Điều 34] Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần, mua <u>phần vốn góp</u> của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần	Mở rộng phạm vi về quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị trong việc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	ng nghiệp khác trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy chế nội bộ của Công ty.	vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác <u>hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác</u> trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy chế nội bộ của Công ty.	
45.	0	[Điểm w, Khoản 2, Điều 34] Quyết định số lượng Người đại diện theo pháp luật và phân công nhiệm vụ cho các Người đại diện theo pháp luật.	Bổ sung để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị liên quan đến Người đại diện theo pháp luật.
46.	0	[Điểm x, Khoản 2, Điều 34] Đề cử người vào Ủy ban kiểm toán và bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Điều lệ này.	Bổ sung để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị liên quan đến Ủy ban kiểm toán.
47.	0	[Điểm y, Khoản 2, Điều 34] Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán trong Danh sách các công ty kiểm toán độc lập khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.	Bổ sung để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị liên quan đến việc lựa chọn đơn vị kiểm toán.
48.	0	[Điểm z, Khoản 2, Điều 34] Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trong trường hợp (i) giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được	Bổ sung để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị trong việc thay đổi phương án sử

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền hoặc (ii) trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua.	dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành.
Sửa đổi, bổ sung nội dung về quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc tại khoản 3 Điều 45			
49.	0	[Điểm i, Khoản 3, Điều 45] Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3, 4, 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	Bổ sung để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc trong việc thông qua hợp đồng, giao dịch mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng, giao dịch khác của Công ty.
50.	0	[Điểm j, Khoản 3, Điều 45] Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê,	Bổ sung để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc liên quan mua sắm tài sản, các khoản

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác của Công ty có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3, 4, 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác của Công ty.
51.	0	[Điểm k, Khoản 3, Điều 45] Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của	Bổ sung để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc liên quan đến đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty.

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	
52.	0	[Điều 1, Khoản 3, Điều 45] Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác với giao dịch có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	Bổ sung để ghi nhận rõ quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc liên quan đến việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.
Sửa đổi, bổ sung nội dung về Ngày hiệu lực tại Khoản 2 Điều 65			
53.	[Khoản 2, Điều 65]	[Khoản 2, Điều 65]	Sửa đổi để:

STT	Điều lệ hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	Điều lệ này được lập thành 10 (mười) bản bằng tiếng Việt, có giá trị như nhau.	Điều lệ này được lập thành <u>05 (năm)</u> bản bằng tiếng Việt <u>và tiếng Anh</u> , có giá trị như nhau. <u>Trong trường hợp có sự mâu thuẫn nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.</u>	- Làm rõ về ngôn ngữ được sử dụng để lập Điều lệ và cách xử lý trong trường hợp có sự mâu thuẫn về nội dung giữa các ngôn ngữ. - Số bản đáp ứng nhu cầu lưu trữ thực tế của Công ty.



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP



ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01... năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
Chương I	4
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
Chương II	6
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
Chương III	7
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	22
Chương IV	22
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	22
Điều 6. Vốn Điều lệ, cổ phần	22
Điều 7. Cổ phiếu.....	23
Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông	24
Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác	24
Điều 10. Chào bán cổ phần	25
Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần.....	25
Điều 12. Thu hồi cổ phần.....	26
Điều 13. Phát hành, chào bán cổ phiếu, trái phiếu; mua cổ phần, trái phiếu	26
Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.....	27
Điều 15. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	27
Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	28
Điều 17. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại	28
Chương V	29
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	29
Điều 18. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát.....	29
Chương VI	29
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	29
Điều 19. Quyền của cổ đông	29
Điều 20. Nghĩa vụ của cổ đông	31
Điều 21. Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	34
Điều 23. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	36
Điều 24. Thay đổi các quyền	37
Điều 25. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	38
Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	40
Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	40
Điều 28. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	43
Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	45
Điều 30. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	49
Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	50
Chương VII	51

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	51
Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.....	51
Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	52
Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.....	53
Điều 35. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị.....	56
Điều 36. Chủ tịch Hội đồng Quản trị.....	57
Điều 37. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.....	58
Điều 38. Biên bản họp Hội đồng Quản trị.....	60
Điều 39. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán.....	61
Điều 40. Thành phần Ủy ban Kiểm toán.....	61
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán.....	62
Điều 42. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.....	62
Chương VIII	63
TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	63
Điều 43. Tổ chức bộ máy quản lý.....	63
Điều 44. Mức lương, tiền thù lao của Người quản lý Công ty.....	63
Điều 45. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	63
Điều 46. Thư ký Công ty.....	65
Điều 47. Người phụ trách quản trị Công ty.....	66
Điều 48. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc.....	67
Chương IX	68
NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA CÔNG TY	68
Điều 49. Trách nhiệm cẩn trọng.....	68
Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	68
Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	69
Chương X	69
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	69
Điều 52. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	69
Chương XI	70
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	70
Điều 53. Phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ.....	70
Điều 54. Trả Cổ tức.....	71
Chương XII	72
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	72
Điều 55. Tài khoản ngân hàng.....	72
Điều 56. Năm tài chính.....	72
Điều 57. Chế độ kế toán.....	72
Chương XIII	73
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	73
Điều 58. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	73
Điều 59. Báo cáo thường niên.....	73
Chương XIV	73
KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	73
Điều 60. Kiểm toán.....	73
Chương XV	74
CON DẤU	74
Điều 61. Con dấu.....	74
Chương XVI	74
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG	74

Điều 62.	Giải thể Công ty	74
Chương XVII.....		75
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ		75
Điều 63.	Giải quyết tranh chấp nội bộ	75
Chương XVIII		70
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....		70
Điều 64.	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	70
Chương XIX		70
NGÀY HIỆU LỰC.....		70
Điều 65.	Ngày hiệu lực	70

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“**Công ty**”), một Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, là cơ sở pháp lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP số 11./NQ-ĐHĐCĐ.BT ngày 09 tháng 01 năm 2016

Chương I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. “**Công ty**” là Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.
- b. “**Người quản lý**” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.
- c. “**Người điều hành**” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các người điều hành khác do Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc bổ nhiệm.
- d. “**Công ty con**” là doanh nghiệp mà trong đó Công ty:
 - Sở hữu trên 50% (Năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của doanh nghiệp đó; hoặc
 - Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc
 - Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó.
- e. “**Cổ phần**” là Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- f. “**Vốn điều lệ**” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.
- g. “**Cổ đông**” là các cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.

- h. **“Cổ tức”** là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
 - i. **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực ngày 01/01/2021 và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - j. **“Luật Chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực ngày 01/01/2021 và các bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - k. **“Người có liên quan”** là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - l. **“Người đại diện phần vốn”** là người được Hội đồng quản trị ủy quyền đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác, thay mặt Công ty thực hiện toàn bộ hoặc một số quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn tại doanh nghiệp khác theo Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác.
 - m. **“Ngày thành lập”** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và/hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu.
 - n. **“Thời hạn hoạt động”** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này.
 - o. **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - p. **“Sở giao dịch chứng khoán”** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
 - q. **“Quy chế nội bộ về quản trị Công ty”** là quy chế được Công ty công bố công khai áp dụng cho chung cho quản trị nội bộ của Công ty và được Hội đồng quản trị xây dựng, ban hành trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty là tên được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất của Công ty và có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tên Công ty hiện tại như sau:
 - Tên tiếng Việt: Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP
 - Tên tiếng Anh: Construction Corporation No 1 Joint Stock Company
 - Tên viết tắt: CC1
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ: 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 - Điện thoại: (84.28) 38.222.059
 - Fax: (84.28) 38.290.500
 - E-mail: info@cc1.vn
 - Website: www.cc1.vn

Thông tin liên hệ của Công ty như: số điện thoại, số fax, email, website như thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất của Công ty và những thông tin này có thể được thay đổi theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Thời gian hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập trừ trường hợp giải thể theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có tối đa năm (05) Người đại diện theo pháp luật gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Số lượng Người đại diện theo pháp luật sẽ do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm và được thể hiện trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong các giao dịch, vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của Công ty và các giao dịch, vấn đề khác theo phân công của Hội đồng quản trị (trừ các lĩnh vực thuộc thẩm quyền đại diện của Tổng Giám đốc và các Phó tổng giám đốc).
 - b. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ của người đại diện pháp luật của Công ty trong các hoạt động của Công ty, các giao dịch, vấn đề của Công ty theo phân công của Hội đồng quản trị (trừ các lĩnh vực thuộc thẩm quyền đại diện của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Phó tổng giám đốc).
 - c. Các Phó Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ của Người đại diện pháp luật của Công ty trong các công việc, hoạt động của Công ty theo phân công của Hội đồng quản trị (trừ các lĩnh vực thuộc thẩm quyền đại diện của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc).

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:
 - a. Ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty như đăng ký tại

cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và có thể thay đổi, bổ sung theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hiện nay, ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn xây dựng. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.	7110
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kinh doanh khai thác cảng biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không).	5229
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà. Dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Kinh doanh bất động sản (Trừ việc đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).	6810
4	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	2392
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của UBND TP. HCM và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TP. HCM về phê duyệt Quy hoạch	4679

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	
7	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	5510
8	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520
9	Quảng cáo Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo.	7310
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).	4933
11	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ dịch vụ nổ mìn)	4312
12	Phá dỡ (Trừ phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng)	4311
13	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	4390
14	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, sàn giao dịch bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý); Quản lý vận hành nhà chung cư	6829
15	Xây dựng công trình đường sắt	4211

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình giao thông đường sắt	
16	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình giao thông đường bộ	4212
17	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình thủy điện, trạm biến áp, đường dây, mạng lưới truyền tải điện, phân phối điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
18	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây lắp, xây dựng đường ống và hệ thống thủy lợi, hồ chứa; Xây dựng công trình, hệ thống xử lý nước thải	4222
19	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc Chi tiết: Xây dựng các mạng lưới cáp viễn thông, thông tin liên lạc và các đài, trạm thu phát sóng truyền thanh, truyền hình	4223
20	Xây dựng công trình công ích khác	4229
21	Xây dựng công trình thủy (Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	4291
22	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
23	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp (loại trừ công trình nhà)	4293
24	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299 (Chính)

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình dân dụng, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp	
25	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo Chi tiết: Đầu tư sản xuất điện năng (không hoạt động tại trụ sở) (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	3511
26	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Đầu tư sản xuất điện năng (không hoạt động tại trụ sở) (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	3512
27	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (Không hoạt động tại trụ sở)	2395
28	Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: Xây dựng các loại nhà không để ở như: bưu điện, trường học, bệnh viện, nhà làm việc, Khách sạn, cửa hàng, nhà hàng, trung tâm thương mại, Khu thể thao trong nhà, Bãi đỗ xe, bao gồm cả bãi đỗ xe ngầm; Lắp ráp và ghép các cấu kiện xây dựng đúc sẵn tại hiện trường xây dựng	4102
29	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Xây dựng tất cả các loại nhà để ở; Tu sửa và cải tạo các khu nhà ở đã tồn tại	4101
30	Sản xuất sản phẩm chịu lửa (Không hoạt động tại trụ sở)	2391
31	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (Không hoạt động tại trụ sở)	2394

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
32	Lắp đặt hệ thống điện	4321
33	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
34	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
35	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
36	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
37	Dịch vụ vệ sinh khác (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129
38	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hỏa long khí để vận chuyển đường)	5225
39	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Trừ Dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dụng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá).	7120

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
40	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
41	Khai thác, thu nhặt lâm sản trù gỗ Chi tiết: Khai thác, chế biến, thu nhặt lâm sản trù loại Nhà nước cấm, khai thác rừng tự nhiên (bao gồm khai thác gỗ và sản bản, đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp).	0230
42	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế), sản xuất sản phẩm khác từ gỗ (trừ sản xuất bột giấy, tái chế phế thải, chế biến gỗ tại trụ sở).	1629
43	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Chi tiết: sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở).	1621
44	Sản xuất đồ gỗ xây dựng. (Không hoạt động tại trụ sở).	1622
45	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Chế biến gỗ (không hoạt động tại trụ sở).	1610
46	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).	1079
47	Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở).	1030
48	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông sản, lâm sản, cây dược liệu (không hoạt động tại trụ sở) (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc	4620

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	
49	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thủy, hải sản các loại; thực phẩm đông lạnh. Bán buôn rau, củ, quả các loại; bán buôn thực phẩm các loại; Bán buôn hàng công nghệ phẩm, chè, cà phê, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (không hoạt động tại trụ sở) (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4632
50	Dịch vụ đóng gói Chi tiết: Đóng gói bảo quản dược liệu. Đóng gói và bảo quản thủy hải sản. Đóng gói và bảo quản rau, hoa, quả tươi, khô, đóng gói và bảo quản thực phẩm chức năng (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).	8292
51	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4671
52	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của	4672

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	
53	Bán buôn tổng hợp (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4690
54	Bán lẻ tổng hợp khác Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4719
55	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4752
56	Sản xuất sắt, thép, gang (Không sản xuất tại trụ sở).	2410
57	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Không bao gồm khoáng sản cấm khai thác theo quy định của pháp luật. (Không hoạt động tại trụ sở) (doanh nghiệp chỉ được hoạt động ngành nghề kinh doanh này để phục vụ thi công xây dựng dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền	0810

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	chấp thuận về địa điểm và được cấp phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.	
58	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4649
59	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
60	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4610
61	Khai thác và thu gom than cứng Không bao gồm khoáng sản cấm khai thác theo quy định của pháp luật. (Không hoạt động tại trụ sở) (doanh nghiệp chỉ được hoạt động ngành nghề kinh doanh này để phục vụ thi công xây dựng dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và được cấp phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).	0510
62	Khai thác và thu gom than non Không bao gồm khoáng sản cấm khai thác theo quy định của pháp luật. (Không hoạt động tại trụ sở) (doanh nghiệp chỉ được hoạt động ngành nghề kinh doanh này để phục vụ thi công xây dựng dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền	0520

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	chấp thuận về địa điểm và được cấp phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).	
63	Khai thác và thu gom than bùn Không bao gồm khoáng sản cấm khai thác theo quy định của pháp luật. (Không hoạt động tại trụ sở) (doanh nghiệp chỉ được hoạt động ngành nghề kinh doanh này để phục vụ thi công xây dựng dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và được cấp phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).	0892
64	Sản xuất than cốc	1910
65	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4773
66	Bán lẻ lương thực Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4721
67	Bán lẻ thực phẩm Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4722

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
68	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
69	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ.	5022
70	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác (trừ cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay).	5210
71	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ, bốc xếp hàng hóa cảng sông, bốc xếp hàng hóa cảng biển, bốc xếp hàng hóa ga đường sắt.	5224
72	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh; dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác (trừ cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không).	5610
73	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không).	5629
74	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán cà phê, giải khát; dịch vụ phục vụ đồ uống khác (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).	5630
75	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	(Trừ cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không)	
76	Bán lẻ đồ uống Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4723
77	Bán lẻ nhiên liệu động cơ Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4730
78	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
79	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Dịch vụ bảo trì và sửa chữa các phương tiện gắn máy (CPC 6112).	9531
80	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4662
81	Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4782

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	
82	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác) (CPC 633).	9532
83	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4663
84	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	4783
85	Lập trình máy tính khác (CPC 842)	6219
86	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính (CPC 842)	6220
87	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác.	6290
88	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và	6310

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	các hoạt động liên quan	
89	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) (CPC 865)	7020
90	Cung ứng nguồn nhân lực khác Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)	7822
91	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
92	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính (CPC 892)	7740
93	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, vật tư, thiết bị vật liệu điện: Tổ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện đã hoặc chưa bọc lớp cách điện, role, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác	4659
94	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
95	Khai thác gỗ	0220

- b. Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm, được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký, nhằm mục tiêu tối đa lợi nhuận, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, tạo ra việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, cộng đồng và phát triển doanh nghiệp.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp, Công ty kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện hay hạn chế kinh doanh, Công ty phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh hoặc các điều kiện hạn chế theo quy định của pháp luật về Đầu tư và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn Điều lệ, cổ phần

1. Vốn Điều lệ của Công ty là **3.979.061.000.000 đồng** (*Ba nghìn, chín trăm bảy mươi chín tỷ, không trăm sáu mươi một triệu đồng*).

Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành **397.906.100 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Việc thay đổi vốn Điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Tất cả các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.
4. Ngoài cổ phần phổ thông, Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi (bao gồm: cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác) sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định pháp luật.
5. Công ty có thể phát hành cổ phần, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền và các loại chứng khoán khác phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn Điều lệ thì cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo bằng văn

bản việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp theo quy định của pháp luật để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
8. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49% (bốn mươi chín phần trăm) vốn Điều lệ. Căn cứ vào thời điểm sở hữu nước ngoài tại Công ty, Công ty điều chỉnh ngành nghề phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, cổ đông có thể đề nghị được cấp cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty.
 - b. Tổng số cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán.
 - c. Tổng số cổ phần đã bán và giá trị vốn cổ phần đã góp.
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.
 - e. Số lượng cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.
4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.
5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 10. Chào bán cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong sổ cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của Công ty tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.
 - b. Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 11. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông chiến lược phải phù hợp với các quy định pháp luật liên quan (nếu có). Cổ phần niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết, Công ty sẽ công nhận người thuộc trường hợp sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:
 - a. Người có giấy tờ xác nhận quyền thừa kế theo quy định của pháp luật và đang nắm giữ sổ cổ phiếu của người đã mất.
 - b. Người thừa kế hợp pháp phải đăng ký chủ sở hữu đối với cổ phần được thừa kế tại Công ty và trở thành cổ đông mới của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế, trừ quyền thừa kế làm Người quản lý, Người điều hành của Công ty.

Điều 12. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền đối với số cổ phần đã đăng ký mua, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
2. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
3. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh kể từ ngày đăng ký mua cho đến ngày bị thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
4. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại khoản 1 Điều này không được thực hiện.
5. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 13. Phát hành, chào bán cổ phiếu, trái phiếu; mua cổ phần, trái phiếu

Các quy định về phát hành, chào bán cổ phiếu, trái phiếu; mua cổ phần, trái phiếu thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 15. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại tối đa 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã được chào bán trong 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.
3. Công ty có thể mua lại một phần hoặc toàn bộ cổ phần hiện có của từng cổ đông. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.
4. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn được nêu ra trong quyết

định mua lại cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc Người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 17. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 16 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 Luật Doanh nghiệp thì cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 18. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị.
4. Tổng Giám đốc.

Công ty đảm bảo số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị tối thiểu đáp ứng quy định của pháp luật.

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty (*giá trị tính trên mệnh giá thị trường của các cổ phần mà từng cổ đông nắm giữ*).
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không

chính xác.

- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, huỷ bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3, Điều 115 Luật Doanh nghiệp; đề nghị Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 - c. Yêu cầu Hội đồng Quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ

pháp lý của tổ chức đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trong trường hợp này, việc kiểm tra sẽ do Ủy ban kiểm toán trực tiếp thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị.

- d. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị.

Điều 20. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ và quy chế, quy trình, quy định quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị làm đại diện cho mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử (email).
6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và cập nhật thay đổi trong quá trình nắm giữ cổ phần. Trường hợp cổ đông cung cấp sai địa chỉ thì sẽ phải chịu mọi thiệt hại có từ hoặc liên quan đến việc cung cấp sai địa chỉ.
 7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
 8. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
 9. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
 10. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ tối thiểu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông ngoài nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại điều này và theo quy định của pháp luật, còn phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:
 - a. Không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
 - b. Có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Tùy vào tình hình thực tế, Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức họp hoặc lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết theo các hình thức: họp trực tiếp, bỏ phiếu trực tiếp; họp trực tuyến, bỏ phiếu trực tuyến; họp bán trực tiếp, bán trực tuyến;

lấy ý kiến bằng văn bản. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông họp và bỏ phiếu trực tuyến sẽ được thực hiện theo quy định của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 - b. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định luật pháp.
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 19 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, trong đó phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông liên quan.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 360 (ba trăm sáu mươi) ngày theo quy định tại điểm b khoản 4, Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều này.
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm (a) khoản 5 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu triệu

tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền, nghĩa vụ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, phương án chào bán, phát hành; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và hình thức chi trả cổ tức.
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị.
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.
 - g. Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của Thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị.
 - k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.
 - l. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

- m. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán.
- n. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
- o. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị.
- p. Quyết định số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị.
- q. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- s. Quyết định chào bán các loại trái phiếu bao gồm trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
- t. Tăng hoặc giảm vốn điều lệ Công ty.
- u. Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành khi giá trị thay đổi từ 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trở lên. Đối với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.
- v. Quyết định số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể trong trường hợp cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.
- w. Chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông
- x. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo; phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích.
- y. Thay đổi tên, trụ sở chính của Công ty.
- z. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

- aa. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình (i) có Ban kiểm soát hoặc (ii) có Ủy ban kiểm toán hoặc (iii) mô hình khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).
 - bb. Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi, bao gồm việc thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.
 - cc. Lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.
 - dd. Các vấn đề khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ Công ty.
2. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự (*tham khảo mẫu giấy ủy quyền của Công ty*), phải nêu rõ cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

- b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền.
- c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 24. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết, quyết định Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện theo uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 26, Điều 27 và Điều 28 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề

liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 25. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội và danh sách được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội.
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - d. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội.
 - e. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội.
 - f. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.
 - g. Các công việc khác phục vụ cho cuộc họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử

của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này.
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình và nội dung cuộc họp, bao gồm các kiến nghị được nêu tại khoản 4 Điều này; trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này,

kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận tại cuộc họp.

Điều 26. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% (năm mươi phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Số cổ đông dự họp được xác định trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, nếu quá 60 (sáu mươi) phút mà không đủ số lượng cổ đông tham dự theo Khoản 1, 2 điều này thì cuộc họp bị hủy. Cuộc họp có thể bắt đầu ngay khi có đủ số lượng cổ đông tham dự theo quy định tại Khoản 1, 2 điều này mà không phải trì hoãn để đợi thêm các cổ đông khác chưa có mặt.

Điều 27. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành

để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

- b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị thuộc Ủy ban kiểm toán hoặc một trong các Thành viên Hội đồng quản trị điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm (a) khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.
- d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
11. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý. Trường hợp cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền không tuân thủ những quy định nêu trên thì Chủ tọa sau khi xem xét cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông, người đại diện nêu trên không được tiếp tục tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này:
- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.

- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình (i) có Ban kiểm soát hoặc (ii) có Ủy ban kiểm toán hoặc (iii) mô hình khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - f. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu cử tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng viên trở lên cùng có số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số những ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí được quy định tại quy chế bầu cử.
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên website của Công ty.
7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty.
 - b. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - c. Định hướng phát triển Công ty.
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.
 - g. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh
 - h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình (i) có Ban kiểm soát hoặc (ii) có Ủy ban kiểm toán hoặc (iii) mô hình khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).
 - i. Tăng, giảm vốn Điều lệ của Công ty.
 - j. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, phương án chào bán, phát hành; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và hình thức chi trả cổ tức.

- k. Quyết định chào bán các loại trái phiếu bao gồm trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
- l. Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- m. Xem xét, xử lý vi phạm của Thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.
- n. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
- o. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị.
- p. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- q. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
- r. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị.
- s. Quyết định số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị.
- t. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- u. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- v. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán.
- w. Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành khi giá trị thay đổi từ 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trở lên. Đối với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

- x. Quyết định số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể trong trường hợp cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.
 - y. Chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông.
 - z. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo; phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích.
 - aa. Thay đổi tên, trụ sở chính của Công ty.
 - bb. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty.
 - cc. Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi, bao gồm việc thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.
 - dd. Lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.
 - ee. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Mục đích lấy ý kiến.
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ủy Ban kiểm toán hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
 - e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 5. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết tán thành có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

Điều 30. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Chương trình và nội dung cuộc họp.
 - Họ, tên Chủ tọa và Thư ký.
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.

i. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 31. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 28 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên Website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
 - b. Trình độ chuyên môn.
 - c. Quá trình công tác.
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của Công ty khác).
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Tỷ lệ cụ thể và số lượng thành viên Hội đồng quản trị được đề cử tương ứng được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ

chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 33. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Trong Hội đồng Quản trị có tối thiểu 01 (một) thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
4. Hội đồng Quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị.
5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.
7. Trong trường hợp một thành viên Hội đồng Quản trị bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị khác tạm thời phụ trách công việc của thành viên Hội đồng Quản trị bị mất tư cách trong thời gian

đội Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng Quản trị mới. Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị mới phải được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

8. Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại tối đa 05 (năm) Công ty khác.

Điều 34. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp và Điều lệ này quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch kinh doanh của Công ty. Phê duyệt điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khi xét thấy sự điều chỉnh này là phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - d. Quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán; Quyết định chào bán các loại trái phiếu trả trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền theo quy định của Luật Chứng khoán.
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm (d) khoản 1 Điều 22 của Điều lệ này trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.
- i. Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác của Công ty có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.
- j. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.
- k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

- l. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.
- m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.
- o. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.
- p. Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy chế nội bộ của Công ty.
- q. Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty.
- r. Quyết định phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các Quỹ (Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi; vv...) theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- s. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.
- t. Quyết định giá hoặc tổ chức định giá các tài sản góp vốn vào Công ty không phải tiền, bao gồm nhưng không giới hạn vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kinh doanh và các tài sản hợp pháp khác.
- u. Giải quyết khiếu nại của Công ty đối với những Người điều hành của Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó.
- v. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị.

- w. Quyết định số lượng Người đại diện theo pháp luật và phân công nhiệm vụ cho các Người đại diện theo pháp luật.
 - x. Đề cử người vào Ủy ban kiểm toán và bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Điều lệ này.
 - y. Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán trong Danh sách các công ty kiểm toán độc lập khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.
 - z. Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trong trường hợp (i) giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền hoặc (ii) trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua.
 - aa. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 35. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
2. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm

tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 36. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và các Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị.
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng Quản trị.
 - f. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên các tiểu ban tham mưu, hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị.
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm

giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 37. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác của Công ty.
 - b. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị.
 - c. Có đề nghị của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Hội đồng Quản

trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị chỉ được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
8. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này.
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng

Quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
12. Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và qua thư điện tử email theo các quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - c. Thời gian, địa điểm họp.
 - d. Họ, tên từng thành viên tham dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
 - i. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua

biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, và h khoản 1 Điều này thì Biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi Biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 39. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng Quản trị đề cử và không phải là Người điều hành của Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị

Điều 40. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 (hai) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng Quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 42. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong 01 (một) năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự

hợp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Chương VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 43. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày.
2. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Mức lương, tiền thù lao của Người quản lý Công ty

1. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định; hợp đồng lao động với những Người quản lý khác của Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.
2. Mức lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Những người quản lý khác của Công ty do Tổng Giám đốc quyết định.
3. Tiền lương của Người quản lý Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 45. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
- b. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
- c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
- e. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
- f. Tuyển dụng lao động.
- g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
- h. Chỉ định và bãi nhiệm người làm đại diện thương mại và Luật sư của Công ty.
- i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3, 4, 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm. .
- j. Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác của Công ty có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3, 4, 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm..
- k. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ

trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

- l. Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác với giao dịch có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
 - n. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
4. Tổng Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
 5. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại khoản 5, Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

Điều 46. Thư ký Công ty

Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Hỗ trợ tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị.
2. Tham dự các cuộc họp.
3. Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
4. Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty.
5. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

Điều 47. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị;

- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:
 - a. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp.
 - b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao.
 - c. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh tài sản khác của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

Chương IX

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 49. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này phải tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác của Công ty, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

Chương X

**QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ
HỒ SƠ CÔNG TY**

Điều 52. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (Năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách

và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên Website của Công ty.
5. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

Chương XI

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 53. Phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ

1. Hết năm tài chính và khi sản xuất kinh doanh có lãi, trước khi chi trả cổ tức cho cổ đông, Công ty trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ như sau:
 - a. Quỹ đầu tư phát triển.
 - b. Quỹ khen thưởng, phúc lợi.Tỷ lệ phần trăm trích lập các loại quỹ trên theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.
2. Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo.
 - b. Phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 54. Trả Cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
 - b. Đã trích lập các quỹ khác và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 - c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, thanh toán qua tài khoản của cổ đông tại Ngân hàng hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện theo phương thức đảm bảo tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và cổ đông phải chịu các chi phí có nếu có rủi ro phát sinh.
3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Theo chấp thuận của các Cổ Đông tại Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phiếu phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán xác thực nhất.
5. Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ Đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp Luật

Chương XII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 55. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 56. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 57. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương XIII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 58. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo 06 (sáu) tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 59. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XIV

KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 60. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định 01 (một) Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.
2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được

phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XV

CON DẤU

Điều 61. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty.
2. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của Công ty.
3. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Chương XVI

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

Điều 62. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.
 - c. Công ty không còn đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Chương XVII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty.
 - b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hay người quản lý khác của Công ty.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài thương mại hoặc Tòa án có thẩm quyền.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Trọng tài thương mại hoặc Tòa án có thẩm quyền được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài thương mại hoặc Tòa án có thẩm quyền.

Chương XVIII

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XIX

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 65. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 19 Chương, 65 Điều đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP nhất trí thông qua ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này được lập thành 05 (năm) bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc chữ ký của Người đại diện theo pháp luật.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

Đại diện theo pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Bảo Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 05./TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“CC1”).

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) CC1 kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) xem xét thông qua việc **sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty** dựa trên quy định của Điều lệ CC1 và quy định của pháp luật hiện hành.

Nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết được trình bày tại (i) **Phụ lục sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty** và (ii) **Dự thảo toàn văn Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty** đã được sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này.

Kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



M.S.D.N: 0301125121

Phan Hữu Duy Quốc



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP
[Giấy CNĐKDN số: 0301429113]

PHỤ LỤC

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 05./TTr-HĐQT ngày 09 tháng 04 năm 2016 của Hội đồng quản trị CC1)

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông tại Điều 2			
1.	[Điểm b, Khoản 1, Điều 2]. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; quyết định chào bán các loại trái phiếu theo quy định của Luật Chứng Khoán.	[Điểm b, Khoản 1, Điều 2]. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, <u>phương án chào bán, phát hành</u> ; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần <u>và hình thức chi trả cổ tức</u> . [Điểm s, Khoản 1, Điều 2]. Quyết định chào bán các loại trái <u>phiếu bao gồm trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền</u> theo quy định của <u>pháp luật hiện hành có liên quan</u> .	Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ. Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ.
2.	0	[Điểm t, Khoản 1, Điều 2] Tăng hoặc giảm vốn điều lệ Công ty.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ.

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
3.	0	[Điểm u, Khoản 1, Điều 2] Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành khi giá trị thay đổi từ 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trở lên. Đối với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
4.	0	[Điểm v, Khoản 1, Điều 2] Quyết định số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể trong trường hợp cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
5.	0	[Điểm w, Khoản 1, Điều 2] Chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
6.	0	[Điểm x, Khoản 1, Điều 2] Thông qua phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo; phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
7.	0	[Điểm y, Khoản 1, Điều 2] Thay đổi tên, trụ sở chính của Công ty.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
8.	0	[Điểm z, Khoản 1, Điều 2] Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
9.	0	[Điểm aa, Khoản 1, Điều 2] Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình (i) có Ban kiểm soát hoặc (ii) có Ủy ban	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		kiểm toán hoặc (iii) mô hình khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).	
10.	0	[Điểm bb, Khoản 1, Điều 2] Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi, bao gồm việc thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
11.	0	[Điểm cc, Khoản 1, Điều 2] Lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
12.	[Điểm s, Khoản 1, Điều 2] Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này	[Điểm dd, Khoản 1, Điều 2] Các vấn đề khác theo quy định của <u>Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định</u> của pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ Công ty.	Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ.
Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại Điều 7			
13.	[Khoản 1, Điều 7] Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	[Khoản 1, Điều 7] Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông <u>đối với tất cả vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u> khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ.
Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về quyền, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị tại Điều 11			
14.	[Điểm d, Khoản 1, Điều 11] Quyết định giá bán cổ phần; Quyết định chào bán các loại trái phiếu theo quy định của Luật chứng khoán.	[Điểm d, Khoản 1, Điều 11] Quyết định <u>thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào</u>	Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ.

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		<u>bán</u> ; Quyết định chào bán các loại trái phiếu <u>trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền</u> theo quy định của Luật Chứng khoán.	
15.	[Điểm m, Khoản 1, Điều 11] Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của Đơn vị kinh doanh hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại Đơn vị kinh doanh trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy chế nội bộ của Công ty.	[Điểm m, Khoản 1, Điều 11] Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần, mua <u>phần vốn góp</u> của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác <u>hoặc thoái vốn</u> của Công ty tại doanh nghiệp khác trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy chế nội bộ của Công ty.	Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ.
16.	0	[Điểm t, Khoản 1, Điều 11] Quyết định giá hoặc tổ chức định giá các tài sản góp vốn vào Công ty không phải tiền, bao gồm nhưng không giới hạn vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kinh doanh và các tài sản hợp pháp khác.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
17.	0	[Điểm u, Khoản 1, Điều 11] Giải quyết khiếu nại của Công ty đối với những Người điều hành của Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
18.	0	[Điểm v, Khoản 1, Điều 11]	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị.	
19.	0	[Điểm w, Khoản 1, Điều 11] Quyết định số lượng Người đại diện theo pháp luật và phân công nhiệm vụ cho các Người đại diện theo pháp luật.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
20.	0	[Điểm x, Khoản 1, Điều 11] Đề cử người vào Ủy ban kiểm toán và bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Công ty.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
21.	0	[Điểm y, Khoản 1, Điều 11] Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán trong Danh sách các công ty kiểm toán độc lập khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
22.	0	[Điểm z, Khoản 1, Điều 11] Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trong trường hợp (i) giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền hoặc (ii) trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
Sửa đổi, bổ sung một số nội dung về quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc tại khoản 4 Điều 17			
23.	0	[Điểm i, Khoản 4, Điều 17] Chỉ định và bãi nhiệm người làm đại diện thương mại và Luật sư của Công ty.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
24.	0	[Điểm j, Khoản 4, Điều 17] Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		thuê lại, cho mượn tài sản và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3, 4, 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	
25.	0	[Điểm k, Khoản 4, Điều 17] Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác của Công ty có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3, 4, 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
26.	0	[Điểm l, Khoản 4, Điều 17] Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 5 Điều 293 Nghị định số	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	
27.	0	[Điểm m, Khoản 4, Điều 17] Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác với giao dịch có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ
Sửa đổi bổ sung một số nội dung về Hiệu lực thi hành Quy chế tại Điều 24			
28.	[Điều 24] Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế Quy chế trước đây có cùng nội dung. Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.	[Điều 24] 1. <u>Quy chế này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.</u> 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế Quy chế trước đây có cùng nội dung.	Bổ sung làm rõ ngôn ngữ được sử dụng để lập Quy chế và cách xử lý trong trường hợp có sự mâu thuẫn nội dung giữa các ngôn ngữ (<i>Khoản 1, Điều 24</i>). Bổ sung làm rõ cách xử lý trong trường hợp có sự mâu thuẫn nội dung giữa Quy chế này và Điều lệ (<i>Khoản 4, Điều 24</i>).

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
		3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này. 4. <u>Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Quy chế này và Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề, thì các quy định của Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.</u>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09 /QĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1- CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1- CTCP hiện hành;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường của Tổng Công ty Xây dựng số 1- CTCP số 11/NQ-ĐHĐCĐ.BT ngày 09/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP.

Điều 2. Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của CC1 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 01 năm 2026 và thay thế Quy chế đã ban hành theo Quyết định số 44/QĐ-HĐQT ngày 21 tháng 4 năm 2025.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc CC1 và các phòng / ban CC1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu P.HC, TK.HĐQT CC1

Phan Hữu Duy Quốc

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP



**QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01. năm 2016

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ – HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2026 của
Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP)

MỤC LỤC

Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2.	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 3.	Trình tự, thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 4.	Thủ tục tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 5.	Xác định hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 6.	Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 7.	Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 8.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 9.	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 10.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 11.	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	17
Điều 12.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 13.	Chủ tịch Hội đồng quản trị	21
Điều 14.	Cuộc họp của Hội đồng quản trị	22
Điều 15.	Các ban, tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	24
Điều 16.	Người phụ trách quản trị Công ty	25
Điều 17.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	26
Điều 18.	Người điều hành của Công ty	28
Điều 19.	Ủy ban Kiểm toán	28
Điều 20.	Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ủy ban Kiểm toán	30
Điều 21.	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.....	30
Điều 22.	Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế.....	31
Điều 23.	Sửa đổi, bổ sung Quy chế	31
Điều 24.	Hiệu lực thi hành Quy chế	31
Phụ lục		29

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP ("**Công ty**") quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền, nghĩa vụ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, phương án chào bán, phát hành; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần và hình thức chi trả cổ tức.
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán.
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị.

- k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- m. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.
- n. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
- o. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán.
- p. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
- q. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- s. Quyết định chào bán các loại trái phiếu bao gồm trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
- t. Tăng hoặc giảm vốn điều lệ Công ty.
- u. Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành khi giá trị thay đổi từ 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trở lên. Đối với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.
- v. Quyết định số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể trong trường hợp cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.
- w. Chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông.

- x. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo; phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích.
 - y. Thay đổi tên, trụ sở chính của Công ty.
 - z. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty.
 - aa. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình (i) có Ban kiểm soát hoặc (ii) có Ủy ban kiểm toán hoặc (iii) mô hình khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).
 - bb. Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi, bao gồm việc thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.
 - cc. Lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.
 - dd. Các vấn đề khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định của pháp luật hiện hành có liên quan và Điều lệ Công ty.
2. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Trình tự, thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo.

Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập theo các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- b. Khi số lượng thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội.
 - Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội.
 - Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.
 - Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội.
 - Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - Các công việc khác phục vụ cho cuộc họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông

báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
 - c. Phiếu biểu quyết.
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung quy định tại khoản 4 Điều này.
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên.
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
 - b. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp

hủy cuộc họp. Thông báo mời họp phải được gửi trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

- c. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, thông báo mời họp lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.
- d. Số cổ đông dự họp được xác định trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, nếu quá 60 (sáu mươi) phút mà không đủ số lượng cổ đông tham dự theo điểm b,c Khoản này thì cuộc họp bị hủy. Cuộc họp có thể bắt đầu ngay khi có đủ số lượng cổ đông tham dự theo quy định tại Điểm a, b Khoản này mà không phải trì hoãn để đợi thêm các cổ đông khác chưa có mặt.

Điều 4. Thể thức tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành

viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị thuộc Ủy ban kiểm toán hoặc một trong các Thành viên Hội đồng quản trị điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp

có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi Đại hội.

9. Chủ tọa, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội. Chủ tọa có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”).
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 5. Xác định hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

1. Căn cứ vào nội dung, quy mô, thành phần tham dự, điều kiện phương tiện kỹ thuật, công nghệ, người chủ trì cuộc họp quyết định hình thức tổ chức họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến nhằm bảo đảm hiệu quả, thuận lợi, tiết kiệm và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty cũng như diễn biến ngoài xã hội.

2. Hình thức họp trực tuyến sẽ được triển khai đối với các cuộc họp có nhiều thành phần tham dự khi có các sự cố về thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hay các sự kiện bất khả kháng khác mà không thể tổ chức họp trực tiếp được hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết tổ chức cuộc họp bằng phương thức trực tuyến.
3. Việc họp trực tuyến phải được sắp xếp, tổ chức hiệu quả, đồng bộ giữa các điểm cầu kết nối với nhau nhằm đạt mục đích, yêu cầu của cuộc họp.
4. Phòng họp trực tuyến cần đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của từng cuộc họp cụ thể. Phòng họp tại các điểm cầu tham gia họp trực tuyến phải thống nhất về kích cỡ hình ảnh, màu nền, màu chữ của phong nền.
5. Thiết bị họp trực tuyến gồm các thiết bị giải mã, màn hình hiển thị, camera và micro được tích hợp sẵn để đảm bảo tương thích, ổn định, bảo đảm mọi vị trí trong phòng họp đều có thể phát biểu và nghe rõ âm thanh phát ra từ hệ thống trực tuyến.
6. Các phòng ban, bộ phận được giao trách nhiệm lắp đặt, vận hành và quản lý hệ thống họp trực tuyến phải luôn sẵn sàng tổ chức họp theo yêu cầu của người chủ trì cuộc họp.
7. Trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được quy định tại Phụ lục đính kèm Quy chế này.

Điều 6. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty.
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - f. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 7. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Mục đích lấy ý kiến.
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ

đồng là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến Công ty gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ủy Ban kiểm toán hoặc của cổ đông không giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và

phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
- e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp.
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký.

- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp.
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
- i. Họ và tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

- 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
- 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 9. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 28 Điều lệ Công ty.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 (sáu mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp năm và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
 - b. Trình độ chuyên môn.
 - c. Quá trình công tác.

- d. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
 - e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có).
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định pháp luật.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch kinh doanh của Công ty. Phê duyệt điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty trên cơ sở được đại hội đồng cổ đông ủy quyền khi xét thấy sự điều chỉnh này là phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
- d. Quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán; Quyết định chào bán các loại trái phiếu trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền theo quy định của Luật Chứng khoán.
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.
- i. Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác của Công ty có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.
- j. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đối với giá trị còn lại

thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại

- k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác mà Công ty góp vốn, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
- l. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.
- m. Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy chế nội bộ của Công ty.
- n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.
- o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.
- p. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.
- r. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty.

- s. Quyết định phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các Quỹ (Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi, vv...) theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - t. Quyết định giá hoặc tổ chức định giá các tài sản góp vốn vào Công ty không phải tiền, bao gồm nhưng không giới hạn vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kinh doanh và các tài sản hợp pháp khác.
 - u. Giải quyết khiếu nại của Công ty đối với những Người điều hành của Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó.
 - v. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị.
 - w. Quyết định số lượng Người đại diện theo pháp luật và phân công nhiệm vụ cho các Người đại diện theo pháp luật.
 - x. Đề cử người vào Ủy ban kiểm toán và bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Công ty.
 - y. Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán trong Danh sách các công ty kiểm toán độc lập khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.
 - z. Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trong trường hợp (i) giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền hoặc (ii) trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua.
 - aa. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 12. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - a. Thành phần Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị.
 - b. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 - c. Trong Hội đồng quản trị có tối thiểu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị độc lập, một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 13. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và

báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 14. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị bầu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 01 (một) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác.
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ

tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị

5. Trước đề nghị tổ chức họp Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa ($\frac{1}{2}$) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này.
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
 11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
 12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
 14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Các Ban/tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các ban, tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.
2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 16. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông.
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
 - d. Tham dự các cuộc họp.
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị.
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan.
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc.
2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
 - d. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả Người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
 - g. Tuyển dụng lao động.
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
 - i. Chỉ định và bãi nhiệm người làm đại diện thương mại và Luật sư của Công ty.
 - j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3, 4, 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi

tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

- k. Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản, thuê, cho thuê, cho thuê lại, cho mượn tài sản và các hoạt động khác của Công ty có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 3, 4, 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - m. Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác với giao dịch có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các quyết định này dẫn đến các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 18. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc bổ nhiệm theo quy định của Điều lệ Công ty (nếu có).
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 19. Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên, chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán:
 - a. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;
 - b. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
 - c. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;

- e. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
 - f. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
 - g. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
 - h. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
 - i. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
 - j. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
 - k. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
 - l. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - m. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.
3. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, Quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

4. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
5. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Nội dung báo cáo phải có đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ủy ban Kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
4. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty; đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 21. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị có thể tham dự các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban điều hành, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, hợp tác, liên danh, liên kết, vv... do Tổng Giám đốc chủ trì trước khi trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt. Hàng năm, nếu cần thiết, Hội đồng quản trị có kế hoạch làm việc với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty để kiểm tra, giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nhằm kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan và thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể sử dụng nguồn lực (các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và/hoặc các chuyên viên) của Công ty để giúp Hội đồng quản trị xem xét, cho ý kiến tư vấn, tham mưu các vấn đề có liên quan. Việc sử dụng nguồn lực phải thông báo cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 48 (bốn mươi tám) giờ.
3. Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất là 45 (bốn mươi lăm) ngày.
4. Trong trường hợp cần thiết, vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình, các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Ban điều hành cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty nhưng phải được sự đồng ý trước của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 24 (hai mươi bốn) giờ.

Điều 22. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế

1. Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các đơn vị, cá nhân có liên quan trong phạm vi nội bộ Công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm các quy định trong Quy chế này.
2. Đơn vị hoặc cá nhân nào vi phạm các quy định trong Quy chế này, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của Công ty hoặc quy định của pháp luật.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, mọi ý kiến đề nghị sửa đổi bổ sung Quy chế được phản ánh bằng văn bản cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị xem xét quyết định trong cuộc họp gần nhất.
2. Khi có những thay đổi của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc sửa đổi cho phù hợp.

Điều 24. Hiệu lực thi hành Quy chế

1. Quy chế này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế Quy chế trước đây có cùng nội dung.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

4. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Quy chế này và Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề, thì các quy định của Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Hữu Duy Quốc

PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN THAM DỰ HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ THỰC HIỆN BỎ
PHIẾU ĐIỆN TỬ CỦA TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Đính kèm Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Phụ lục này quy định về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của đại biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP (sau đây gọi là “**Công ty**”).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “**Đại biểu**” là Cổ đông, đại diện ủy quyền (người được ủy quyền).
2. “**Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**” là các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức dưới hình thức tham gia thông qua mạng internet để các Đại biểu thực hiện các quyền biểu quyết/bầu cử của mình.
3. “**Bỏ phiếu điện tử**” là việc Đại biểu kết nối Internet và thực hiện biểu quyết/bầu cử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định và thông báo.
4. “**Hệ thống bỏ phiếu điện tử**” là hệ thống cung cấp cho Đại biểu các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
5. “**Yếu tố định danh**” là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.
6. “**Sự kiện bất khả kháng**” là những sự kiện xảy ra ngoài ý chí của người triệu tập Đại hội không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép.
7. “**Bầu dồn đều**” là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Đại biểu dồn số phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng cử viên tương ứng. Sau khi chia đều, số Phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên được làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị. Phiếu bầu lẻ còn lại (nếu có) sẽ bỏ.

“Bầu ghi số” là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Đại biểu sẽ ghi cụ thể số phiếu bầu cho từng ứng cử viên sao cho tổng số phiếu bầu của các ứng cử viên được bầu bằng tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Công ty thực hiện các quy định theo Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Điều kiện, cách thức Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối Internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối Internet, ...).

3. Cách thức thực hiện:

Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp quy định tại Điều 5 Phụ lục này để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 5. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp cho Đại biểu trong thông báo mời họp (hoặc theo hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 6. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 5 Phụ lục này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 7. Quy định về ủy quyền trực tuyến

1. Việc ủy quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty.
2. Các cổ đông cần tuân thủ việc cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.
3. Việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
 - Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
 - Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc Đại hội khai mạc chính thức.

4. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc Đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.
5. Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 8. Thời gian bỏ phiếu điện tử

Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc tại Đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần, trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

Điều 9. Cách thức bỏ phiếu điện tử

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu lựa chọn một trong ba phương án biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác thì việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều phiếu hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình Đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong Quy chế làm việc của Đại hội.
- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

Điều 10. Cách thức kiểm phiếu

1. Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến.
2. Biên bản kiểm phiếu là biên bản ghi nhận kết quả kiểm phiếu của tất cả các Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.
3. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 10 Phụ lục này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 12. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Việc yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.

Điều 13. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và hình thức thông qua

- Việc ghi biên bản Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp.
- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham gia bỏ phiếu điện tử

- Được biểu quyết, bầu cử tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử.
- Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả giao dịch bỏ phiếu của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ được mặc nhiên coi là quyết định cuối cùng của Đại biểu. Đại biểu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Đại biểu phải thông báo ngay cho Công ty để kịp thời xử lý khi phát hiện tên truy cập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Công ty để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Đại biểu phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm Công ty nhận được thông báo của Đại biểu nếu như nguyên nhân là do Đại biểu.

Điều 15. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông.
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận.

- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Đại hội.
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu.
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau bằng văn bản.

Điều 16. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng

1. Trong thời gian diễn ra việc tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng (ngoài tầm kiểm soát của Công ty) tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số Đại biểu tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền Internet, sự cố kỹ thuật tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan chức năng, người có thẩm quyền khác,
2. Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để Đại hội có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Đại hội cổ đông được triệu tập gần nhất.

Điều 17. Điều khoản khác

Các nội dung liên quan khác không đề cập trong Phụ lục này mặc nhiên thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 06.../TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09... tháng 01... năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“CCI”);
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP.

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) CCI kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) xem xét thông qua việc **sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị CCI** dựa trên quy định của Điều lệ CCI và quy định của pháp luật hiện hành.

Nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết được trình bày tại (i) **Phụ lục sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị** và (ii) **Dự thảo toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị** đã được sửa đổi, bổ sung đính kèm Tờ trình này.

Kính trình **ĐHĐCĐ** xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Hữu Duy Quốc



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

[Giấy CNĐKDN số: 0301429113]

PHỤ LỤC

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 06./TTr-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2016 của Hội đồng quản trị CC1)

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
Sửa đổi, bổ sung nội dung về quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị tại khoản 1, Điều 4			
1.	[Điểm d, Khoản 1, Điều 4] Quyết định giá bán cổ phần; Quyết định chào bán các loại trái phiếu trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền theo quy định của Luật Chứng khoán.	[Điểm d, Khoản 1, Điều 4] Quyết định <u>thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán</u> ; Quyết định chào bán các loại trái phiếu trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền theo quy định của Luật Chứng khoán.	Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ.
2.	[Điểm k, Khoản 1, Điều 4] Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết <u>hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động</u> , quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành	[Điểm k, Khoản 1, Điều 4] Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, <u>ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng</u> , quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở	Quy chế sửa đổi nội dung cho phù hợp với Điều lệ.



STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
	viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở các công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.	các công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.	
3.	[Điểm p, Khoản 1, Điều 4] Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của Đơn vị kinh doanh hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy chế nội bộ của Công ty.	[Điểm p, Khoản 1, Điều 4] Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, tái cơ cấu và giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần, mua <u>phần vốn góp</u> của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác <u>hoặc thoái vốn</u> của Công ty tại doanh nghiệp khác trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy chế nội bộ của Công ty.	Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ.
4.	[Điểm u, Khoản 1, Điều 4] Giải quyết khiếu nại của CC1 đối với những Người điều hành của Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của CC1 để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó	[Điểm u, Khoản 1, Điều 4] Giải quyết khiếu nại của <u>Công ty</u> đối với những Người điều hành của Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của <u>Công ty</u> để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó	Quy chế sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ.
5.	0	[Điểm w, Khoản 1, Điều 4] Quyết định số lượng Người đại diện theo pháp luật và phân công nhiệm vụ cho các Người đại diện theo pháp luật.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ.
6.	0	[Điểm x, Khoản 1, Điều 4] Đề cử người vào Ủy ban kiểm toán và bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Điều lệ của Công ty.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ.

UNG S

C1

01429

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo sửa đổi bổ sung	Diễn giải việc sửa đổi bổ sung
7.	0	[Điểm y, Khoản 1, Điều 4] Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán trong Danh sách các công ty kiểm toán độc lập khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ.
8.	0	[Điểm z, Khoản 1, Điều 4] Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trong trường hợp (i) giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền hoặc (ii) trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua.	Bổ sung cho phù hợp với Điều lệ.
Sửa đổi, bổ sung nội dung về Hiệu lực thi hành tại Điều 19			
9.	0	[Khoản 4, Điều 19] 4. Quy chế này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.	Sửa đổi để làm rõ về ngôn ngữ được sử dụng để lập Điều lệ và cách xử lý trong trường hợp có sự mâu thuẫn về nội dung giữa các ngôn ngữ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 10 /QĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1- CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1- CTCP hiện hành;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường của Tổng Công ty Xây dựng số 1- CTCP số 11/NQ-ĐHĐCĐ.BT ngày 09/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Xây dựng số 1-CTCP (CC1).

Điều 2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị CC1 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 01 năm 2026 và thay thế Quy chế đã ban hành theo quyết định số 45/QĐ-HĐQT ngày 21 tháng 4 năm 2025.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc CC1 và các phòng / ban CC1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu P.HC, TK.HĐQT CC1

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Hữu Duy Quốc

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP



QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2016 của
Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP)*

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	3
NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG.....	3
Điều 1. Những căn cứ pháp lý	3
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
CHƯƠNG II	3
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN VÀ NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 3. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị.....	3
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	7
Điều 6. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đồng bất thường.....	8
Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	9
CHƯƠNG III	9
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	9
Điều 8. Thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị	14
Điều 10. Các ban, tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	16
Điều 11. Cuộc họp Hội đồng quản trị	16

Điều 12. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.....	18
Điều 13. Trình báo cáo hàng năm	19
Điều 14. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên của Hội đồng quản trị	20
Điều 15. Công khai các lợi ích liên quan	20
CHƯƠNG IV	21
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 17. Mối quan hệ với Ban Tổng giám đốc.....	22
Điều 18. Mối quan hệ với Ủy ban Kiểm toán	22
CHƯƠNG V	22
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	22
Điều 19. Hiệu lực thi hành	22
Điều 20. Bổ sung, sửa đổi	23

CHƯƠNG I

NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. Những căn cứ pháp lý

Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP (“Công ty”) được xây dựng dựa trên các căn cứ pháp lý sau đây:

1. Các quy định pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP (sau đây gọi là “Điều lệ Công ty”).

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những Người quản lý khác của Công ty.

CHƯƠNG II

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN VÀ NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị được quy định như sau:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.
2. Căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành “Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị”.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch kinh doanh của Công ty. Phê duyệt điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khi xét thấy sự điều chỉnh này là phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - d. Quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán; Quyết định chào bán các loại trái phiếu trả lãi trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền theo quy định của Luật Chứng khoán.
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% (Mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.

- i. Quyết định mua sắm tài sản, các khoản vay, cho vay, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp tài sản của Công ty có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.
- j. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Đối với giá trị còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc, trên cơ sở quyền hạn của mình tùy vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc được quyền giao, phân quyền, ủy quyền lại.
- k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở các công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
- l. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.
- m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.
- o. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.
- p. Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình,

tái cơ cấu và giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác hoặc thoái vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác trong phạm vi quyền hạn của mình theo quy định tại Điều lệ và quy chế nội bộ của Công ty.

- q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty.
- r. Quyết định phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các Quỹ (Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi, vv...) theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- s. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.
- t. Quyết định giá hoặc tổ chức định giá các tài sản góp vốn vào Công ty không phải tiền, bao gồm nhưng không giới hạn vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kinh doanh và các tài sản hợp pháp khác.
- u. Giải quyết khiếu nại của Công ty đối với những Người điều hành của Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó.
- v. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.
- w. Quyết định số lượng Người đại diện theo pháp luật và phân công nhiệm vụ cho các Người đại diện theo pháp luật.
- x. Đề cử người vào Ủy ban kiểm toán và bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Điều lệ của Công ty.
- y. Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán trong Danh sách các công ty kiểm toán độc lập khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.

- z. Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trong trường hợp (i) giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền hoặc (ii) trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được Hội đồng quản trị thông qua.
 - aa. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
 3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này.
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ.
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 6. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 360 (ba trăm sáu mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp.
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.

- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp.
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

Để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong Quy chế này và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị hoạt động theo những nguyên tắc sau:

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo thể hiện qua các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
2. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Số thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và có ít nhất 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc

lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

2.1 Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.

2.2 Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

b. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

2.3 Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty.

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các công ty khác.

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

3.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tối đa 05 Công ty khác.

3.2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

4.1 Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

- 4.2 Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
- 4.3 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
- 4.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.
 - Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp.
 - Trừ trường hợp quy định tại Điểm a và b Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
- 5.1 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
 - Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định để làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ

được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

- 5.2 Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
- 5.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.
- 5.4 Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
- 6.1 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của CC1 để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
- b. Trình độ chuyên môn.
- c. Quá trình công tác.
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác).
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- g. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

6.2 Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 9. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - a. Lập chương trình kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ các cuộc họp Hội đồng quản trị; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - c. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Tổ chức thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - f. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên các tiểu ban tham mưu, hỗ trợ cho Hội đồng quản trị.
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- Hỗ trợ tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp.
 - Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
 - Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị của Công ty.
 - Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
 - Tham dự các cuộc họp.
 - Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho các thành viên của Hội đồng quản trị.
 - Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Các ban, tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các ban, tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.
2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

Điều 11. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên Hội đồng quản trị có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị bầu Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị để hỗ trợ cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác.
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Hội đồng quản trị.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này.

- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư thì phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 12. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Thời gian, địa điểm họp.
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, và h khoản 1 Điều này thì Biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi Biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với công ty do từ chối ký biên bản theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 13. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty.
 - b. Báo cáo tài chính.
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.
2. Báo cáo quy định tại các khoản 1 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01

(một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 14. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên của Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 15. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG IV

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên

chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 17. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết đề Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 18. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban Kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành và thay thế Quy chế trước đây có cùng nội dung.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế.
3. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề, thì các quy định của Điều lệ sẽ được ưu tiên áp dụng.

4. Quy chế này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 20. Bổ sung, sửa đổi

Trong quá trình thực hiện, mọi ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung được phản ánh bằng văn bản cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị xem xét trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Phan Hữu Duy Quốc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04../TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09.. tháng 01.. năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh
của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Quyết định 36/2025/QĐ-TTg ban hành ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về Quyết định ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ("**Quyết định 36**");
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ("**CCI**").

Để đảm bảo tương thích với Hệ thống ngành kinh tế mới theo quy định tại Quyết định 36, đồng thời đảm bảo sự thống nhất với thông tin tại Cổng thông tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp và thuận lợi trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") CCI kính trình Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") xem xét thông qua việc:

1. Sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của CCI theo danh mục đính kèm Tờ trình này.
2. Giao cho Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc của CCI triển khai các công việc liên quan tới thủ tục đăng ký sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp được Cơ quan đăng ký kinh doanh hướng dẫn điều chỉnh ngành, nghề kinh doanh đăng ký dựa trên hồ sơ đăng ký đã nộp, thì Người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc được chủ động sửa đổi ngành, nghề theo hướng dẫn đó mà không phải xin lại ý kiến của Đại hội đồng cổ đông.
3. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ CCI phù hợp với nội dung ngành, nghề kinh doanh được thay đổi nêu trên.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Hữu Duy Quốc

DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Danh mục ngành, nghề kinh doanh đăng ký bổ sung

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	5510
2	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520
3	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, sàn giao dịch bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý); Quản lý vận hành nhà chung cư	6829
4	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo Chi tiết: Đầu tư sản xuất điện năng (không hoạt động tại trụ sở) (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	3511
5	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Đầu tư sản xuất điện năng (không hoạt động tại trụ sở) (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	3512
6	Dịch vụ vệ sinh khác (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129
7	Khai thác, thu nhặt lâm sản trừ gỗ Chi tiết: Khai thác, chế biến, thu nhặt lâm sản trừ loại Nhà nước cấm, khai thác rừng tự nhiên (bao gồm khai thác gỗ và sản phẩm,)	0230

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp).	
8	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4671
9	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4672
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của UBND TP. HCM và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TP. HCM về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4679

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
12	Bán lẻ tổng hợp khác Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4719
13	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4752
14	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4773
15	Bán lẻ lương thực Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4721
16	Bán lẻ thực phẩm	4722

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	
17	Bán lẻ đồ uống Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4723
18	Bán lẻ nhiên liệu động cơ Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4730
19	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
20	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Dịch vụ bảo trì và sửa chữa các phương tiện gắn máy (CPC 6112).	9531
21	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt	4662

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	
22	Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	4782
23	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác) (CPC 633).	9532
24	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4663
25	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	4783

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
26	Lập trình máy tính khác (CPC 842)	6219
27	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính (CPC 842)	6220
28	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác.	6290
29	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan	6310
30	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) (CPC 865)	7020
31	Cung ứng nguồn nhân lực khác Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)	7822
32	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
33	Khai thác gỗ	0220

2. Danh mục ngành, nghề đăng ký bỏ

Ngành, nghề bị xóa bỏ bao gồm:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	5510

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
2	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, sàn giao dịch bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý); Quản lý vận hành nhà chung cư	6820
3	Sản xuất điện Chi tiết: Đầu tư sản xuất điện năng (Không hoạt động tại trụ sở) (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	3511
4	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129
5	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Chi tiết: Khai thác, chế biến lâm sản. Trừ loại Nhà nước cấm, khai thác rừng tự nhiên (bao gồm khai thác gỗ và sản phẩm, đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp).	0231
6	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ. Trừ khai thác rừng tự nhiên (bao gồm khai thác gỗ và sản phẩm, đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp).	0232
7	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác. (Trừ kinh doanh dầu thô và dầu đã qua chế biến, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
8	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng, kim loại quý và đá quý)	4662
9	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>(Trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí, đá quý; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).</i>	4669
11	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4799
12	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc Internet (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập	4791

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	
13	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại)	4719
14	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4752
15	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	(Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	
16	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4721
17	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4722
18	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
19	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4730
20	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
21	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
22	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
23	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
24	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
25	Lập trình máy vi tính (CPC 842)	6201
26	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (CPC 842)	6202
27	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
28	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
29	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) (CPC 865)	7020
30	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)	7830

Như vậy, Danh mục ngành, nghề kinh doanh của CC1 sau khi đăng ký sửa đổi, bổ sung:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn xây dựng. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.	7110
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kinh doanh khai thác cảng biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không).	5229
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà. Dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Kinh doanh bất động sản (Trừ việc đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).	6810
4	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	2392
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở; Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của UBND TP. HCM và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND TP. HCM về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4679
7	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	
8	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520
9	Quảng cáo Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo.	7310
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).	4933
11	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ dịch vụ nổ mìn)	4312
12	Phá dỡ (Trừ phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng)	4311
13	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	4390
14	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, sàn giao dịch bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý); Quản lý vận hành nhà chung cư	6829
15	Xây dựng công trình đường sắt Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình giao thông đường sắt	4211
16	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình giao thông đường bộ	4212
17	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình thủy điện, trạm biến áp, đường dây, mạng lưới truyền tải điện, phân phối điện	4221

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	(Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	
18	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây lắp, xây dựng đường ống và hệ thống thủy lợi, hồ chứa; Xây dựng công trình, hệ thống xử lý nước thải	4222
19	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc Chi tiết: Xây dựng các mạng lưới cáp viễn thông, thông tin liên lạc và các đài, trạm thu phát sóng truyền thanh, truyền hình	4223
20	Xây dựng công trình công ích khác	4229
21	Xây dựng công trình thủy (Trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	4291
22	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
23	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp (loại trừ công trình nhà)	4293
24	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây lắp, xây dựng công trình dân dụng, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp	4299 (Chính)
25	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo Chi tiết: Đầu tư sản xuất điện năng (không hoạt động tại trụ sở) (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	3511
26	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	3512

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Đầu tư sản xuất điện năng (không hoạt động tại trụ sở) (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội).	
27	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (Không hoạt động tại trụ sở)	2395
28	Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: Xây dựng các loại nhà không để ở như: bưu điện, trường học, bệnh viện, nhà làm việc, Khách sạn, cửa hàng, nhà hàng, trung tâm thương mại, Khu thể thao trong nhà, Bãi đỗ xe, bao gồm cả bãi đỗ xe ngầm; Lắp ráp và ghép các cấu kiện xây dựng đúc sẵn tại hiện trường xây dựng	4102
29	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Xây dựng tất cả các loại nhà để ở; Tu sửa và cải tạo các khu nhà ở đã tồn tại	4101
30	Sản xuất sản phẩm chịu lửa (Không hoạt động tại trụ sở)	2391
31	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (Không hoạt động tại trụ sở)	2394
32	Lắp đặt hệ thống điện	4321
33	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4322
34	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
35	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
36	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
37	Dịch vụ vệ sinh khác (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)	8129
38	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hỏa long khí để vận chuyển đường)	5225
39	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Trừ Dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dụng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá).	7120
40	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
41	Khai thác, thu nhặt lâm sản từ gỗ Chi tiết: Khai thác, chế biến, thu nhặt lâm sản từ loại Nhà nước cấm, khai thác rừng tự nhiên (bao gồm khai thác gỗ và sản phẩm, đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp).	0230
42	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế), sản xuất sản phẩm khác từ gỗ (trừ sản xuất bột giấy, tái chế phế thải, chế biến gỗ tại trụ sở).	.
43	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Chi tiết: sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở).	1621
44	Sản xuất đồ gỗ xây dựng. (Không hoạt động tại trụ sở).	1622
45	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: Chế biến gỗ (không hoạt động tại trụ sở).	1610
46	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở).	1079
47	Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở).	1030
48	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông sản, lâm sản, cây dược liệu (không hoạt động tại trụ sở) (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4620
49	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thủy, hải sản các loại; thực phẩm đông lạnh. Bán buôn rau, củ, quả các loại; bán buôn thực phẩm các loại; Bán buôn hàng công nghệ phẩm, chè, cà phê, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (không hoạt động tại trụ sở) (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa	4632

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	
50	Dịch vụ đóng gói Chi tiết: Đóng gói bảo quản dược liệu. Đóng gói và bảo quản thủy hải sản. Đóng gói và bảo quản rau, hoa, quả tươi, khô, đóng gói và bảo quản thực phẩm chức năng (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).	8292
51	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4671
52	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4672
53	Bán buôn tổng hợp (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4690
54	Bán lẻ tổng hợp khác Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo	4719

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	
55	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4752
56	Sản xuất sắt, thép, gang (Không sản xuất tại trụ sở).	2410
57	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Không bao gồm khoáng sản cấm khai thác theo quy định của pháp luật. (Không hoạt động tại trụ sở) (doanh nghiệp chỉ được hoạt động ngành nghề kinh doanh này để phục vụ thi công xây dựng dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và được cấp phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).	0810
58	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	4649
59	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
60	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (Trừ những mặt hàng nhà nước cấm, hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư	4610

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, hàng hóa thực hiện độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại).	
61	Khai thác và thu gom than cứng Không bao gồm khoáng sản cấm khai thác theo quy định của pháp luật. (Không hoạt động tại trụ sở) (doanh nghiệp chỉ được hoạt động ngành nghề kinh doanh này để phục vụ thi công xây dựng dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và được cấp phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).	0510
62	Khai thác và thu gom than non Không bao gồm khoáng sản cấm khai thác theo quy định của pháp luật. (Không hoạt động tại trụ sở) (doanh nghiệp chỉ được hoạt động ngành nghề kinh doanh này để phục vụ thi công xây dựng dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và được cấp phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).	0520
63	Khai thác và thu gom than bùn Không bao gồm khoáng sản cấm khai thác theo quy định của pháp luật. (Không hoạt động tại trụ sở) (doanh nghiệp chỉ được hoạt động ngành nghề kinh doanh này để phục vụ thi công xây dựng dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và được cấp phép đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).	0892
64	Sản xuất than cốc	1910
65	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam	4773

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	
66	Bán lẻ lương thực Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4721
67	Bán lẻ thực phẩm Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4722
68	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
69	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ.	5022
70	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác (trừ cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay).	5210
71	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ, bốc xếp hàng hóa cảng sông, bốc xếp hàng hóa cảng biển, bốc xếp hàng hóa ga đường sắt.	5224

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
72	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh; dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác (trừ cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không).	5610
73	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không).	5629
74	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán cà phê, giải khát; dịch vụ phục vụ đồ uống khác (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).	5630
75	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Trừ cung cấp dịch vụ suất ăn hàng không)	5621
76	Bán lẻ đồ uống Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4723
77	Bán lẻ nhiên liệu động cơ Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632).	4730
78	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
79	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Dịch vụ bảo trì và sửa chữa các phương tiện gắn máy (CPC 6112).	
80	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4662
81	Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	4782
82	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác) (CPC 633).	9532
83	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).	4663
84	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4783

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
	Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	
85	Lập trình máy tính khác (CPC 842)	6219
86	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính (CPC 842)	6220
87	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác.	6290
88	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan	6310
89	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) (CPC 865)	7020
90	Cung ứng nguồn nhân lực khác Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)	7822
91	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
92	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính (CPC 892)	7740
93	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, vật tư, thiết bị vật liệu điện: Tổ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện đã hoặc chưa bọc lớp cách điện, role, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác	4659
94	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
95	Khai thác gỗ	0220

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP;
- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị ngày 18/12/2025 của Ông Nguyễn Văn Huân.

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“**CCI**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCD**”) thông qua việc:

Miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị CCI theo nguyện vọng cá nhân đối với ông Nguyễn Văn Huân.

Kính trình ĐHĐCD xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.



Phan Hữu Duy Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09/TTTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc Danh sách đề cử, ứng cử để bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị
nhiệm kỳ 2021-2026**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP;
- Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông bất thường về việc thông qua miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị CCI;
- Căn cứ Đơn đề cử, ứng cử Ông Trần Hữu Phong tham gia Hội đồng quản trị CCI ngày 18/12/2025 của nhóm cổ đông đề cử;
- Căn cứ Sơ yếu lý lịch thể hiện trình độ, năng lực, quá trình công tác của Ông Trần Hữu Phong (đính kèm).

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (“**CCI**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thông qua danh sách ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị để bầu bổ sung vào nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

1. Ông Trần Hữu Phong.

Các nội dung khác liên quan đến bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026 được áp dụng theo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phan Hữu Duy Quốc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên : **Trần Hữu Phong**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: : 30 - 12 - 1973
- Nơi sinh : Long An
- Quốc tịch : Việt Nam
- CCCD/HC: : 080073000019 Ngày cấp: 27 - 11 - 2025
- Hộ khẩu thường trú : 08 Bà Huyện Thanh Quan, Phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng - Thạc sỹ QTKD (MBA)
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2024 – đến nay	Công ty CP XD Số 1 Việt Quang	Tổng giám đốc
Từ 2023 – đến 2024	Tập đoàn Liên Thái Bình Dương IPPG	Giám đốc điều hành - mảng XD Nội thất
Từ 2022 – đến 2023	Tổng công ty XD Số 1	Trưởng VP HĐQT kiêm Phó TGD
Từ 2019 – đến 2022	Công ty Cổ Phần Lizen	Phó Tổng giám đốc - Kinh tế Kỹ thuật
Từ 2016 – đến 2018	Công ty CP TM & DV MEP	Tổng giám đốc
Từ 2012 – đến 2016	Công ty Saint Gobain	Giám đốc điều hành (BU) - mảng Plasters
Từ 2008 – đến 2012	Công ty BlueScope Steel Công ty BlueScope Building (PEB)	Giám đốc phát triển kinh doanh Giám đốc Marketing
Từ 2004 – đến 2008	Công ty Holcim Cement & Concrete	Chuyên viên cấp cao: Kỹ thuật - Sales & Marketing - Phát triển thị trường bê tông
Từ 2002 – đến 2004	Công ty XD Leighton	Giám sát Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ 3
Từ 2000 – đến 2001	Tập đoàn Posco	Giám sát Dự án Tòa nhà Diamond Plaza
Từ 1998 – đến 2000	Tập đoàn Xây dựng TOA	QA/QC – Cốt liệu & bê tông Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ 1

- Số cổ phần sở hữu của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP ("CC1"): 0, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Các chức danh quản lý đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - **Thành viên HĐQT** Công ty CP XD Số 1 Việt Nguyên
 - **Thành viên HĐQT** Công ty CP XD Số 1 Việt Quang
 - **Tổng giám đốc** Công ty CP XD Số 1 Việt Quang

12. Các lợi ích liên quan đến CC1 (nếu có): không

13. Cam kết:

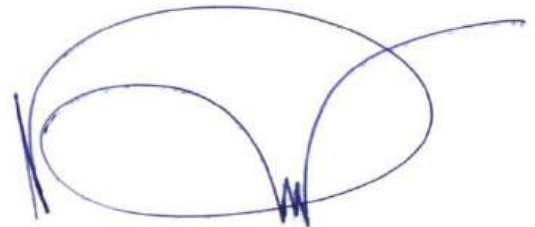
Tôi thừa nhận, đồng ý và cam kết rằng:

- Các thông tin được cung cấp trên đây là chính xác và trung thực. CC1 được toàn quyền sử dụng các thông tin được cung cấp trên đây nhằm mục đích cho việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của CC1, thực hiện công bố thông tin trên trang điện tử của CC1 và thực hiện công bố thông tin trong trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của CC1 và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và trung thành vì lợi ích cao nhất của CC1 và các cổ đông nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có thông tin sai lệch và không được cung cấp, cập nhật cho CC1.

Hồ chí minh, ngày 18 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI KHAI



Trần Hữu Phong